

TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CÁC HOÀNG ĐẾ AN NAM VÀ LỊCH SỬ AN NAM

Paul Boudet

(Nhà lưu trữ - Cổ tự học)

Ngay từ thế kỷ thứ VIII, dưới triều Đường, Hàn Dũ,⁽¹⁾ một quan chức nhà nước Trung Hoa, nhà thơ và nhà văn, đã khẳng định rằng người Việt có tục không thích quá khứ và chính vì lẽ đó nên thật là khó để tìm thấy được sự kiện chân xác còn truyền lại về xứ sở này.^(a)

Điều đầu tiên của sự khẳng định này, không nghi ngờ gì nữa là không chính xác hoặc là được phóng đại, khác với điều thứ hai hiện vẫn luôn còn hiển hiện.

Mười hai thế kỷ sau nhà Đường, lịch sử An Nam vẫn tiếp tục được biên soạn và nhà sử học vẫn tiếp tục phát hiện, tìm tòi sử liệu để có thể dựng nên trong quá khứ lịch sử An Nam một tượng đài hết sức chắc chắn, vững bền.

Nhiều học giả uyên bác và nhiều công trình lịch sử đã đưa ra ánh sáng về phần này hay phần kia của sử liệu như linh mục Cadière, Ch. Maybon là các học giả uyên bác của Trường Viễn Đông bác cổ Pháp, cũng như các học giả uyên bác

⁽¹⁾ Hàn Dũ 韓愈, Bá tước Xương Lê, 768-824: “越俗不好古, 流傳失其真” (Việt tục bất hiếu cổ, lưu truyền thất kỳ chân) [Tục người Việt không chuộng cổ, lưu truyền mất đi sự chân thực].

^(a) Hàn Dũ (768 - 824) nhà văn lớn, lãnh tụ cuộc vận động cổ văn đời Đường. Ông tự là Thoái Chi, người Nam Dương. Quê cha đất tổ ở Xương Lê. Lên 3 tuổi đã mồ côi cha mẹ, do chị dâu nuôi dưỡng cho đến khôn lớn. Qua thời gian khắc khổ, nhần tại tự học, 25 tuổi đỗ Tiến sĩ, trải qua các chức Giám sát Ngự sử, Hình Bộ Thị lang. Ông là người ủng hộ Nho gia, chủ trương chính quyền tập trung, phản đối Phật giáo, từng dâng sớ “Phật cốt biểu”, ra sức giải thích rõ việc đón rước Phật cốt (tức rước Xá lợi. ND) là vô nghĩa. Vì những việc đó đã làm cho Hiến Tông nổi giận, nên ông bị giáng chức chuyển về Triều Châu làm Thứ sử. Đến thời Mục Tông lại được triệu hồi, bổ nhiệm chức Lại Bộ Thị lang kiêm Ngự sử Đại phu. Ông viết tản văn và thơ, đều chiếm giữ địa vị trọng yếu trong nền văn học sử; đặc biệt hơn cả là tản văn, đã trở thành nhà ngôn ngữ lỗi lạc. Ông và Liễu Tông Nguyên đương thời đều phản đối lối văn biền ngẫu dùng từ sáo rỗng, chấp nhặt, sắp đặt câu chữ cầu kỳ, chủ trương giải phóng thể văn theo phép chất phác, thành thực, tự nhiên của cổ văn; trong đó có việc đề ra văn dĩ tải đạo, hết lòng nhân nghĩa và tôn sùng các tác gia thời tiền Tần, Tây Hán. Do ông tích cực đề xướng đẩy lên “vận động cổ văn”, có tác dụng cách tân văn phong rất lớn. Tô Thức (tức Tô Đông Pha) nói về ông: “Văn khởi bát đại chi suy” tức văn của ông làm trỗi dậy lại nền văn học bị suy kém của tám đời, là chỉ các đời Đông Hán, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, thì có thể thấy ảnh hưởng của ông lớn thế nào. Trước tác của ông có *Xương Lê toàn tập* 40 quyển.

Dịch theo: *Tân tri thức từ điển*, Nxb Tân tri thức, Thượng Hải, Trung Quốc, 1958, trang 1526.

Từ đây trở đi, những chú thích trong nguyên bản được ký hiệu là (1), (2)... Chú thích của người dịch được ký hiệu là (a), (b)...

khác của Hội Đô thành hiếu cổ Huế và Hội Nghiên cứu Đông Dương đã nghiên cứu điểm này và điểm kia của lịch sử An Nam. Nhưng công việc vẫn còn phải tiếp tục để hoàn thành là rất lớn khi nhìn lại đối với những gì đã được viết ra.

Có ba trở ngại đối với nhà sử học khi muốn chuyên tâm nghiên cứu về lịch sử An Nam. Trước hết, là ngay trong quan niệm của người An Nam về lịch sử khi nhầm lẫn giữa các tài liệu gốc và các công trình biên soạn.

Thứ hai, là việc mất mát các tài liệu cổ từ thế kỷ XVII trở về trước.

Thứ ba, là rất khó để nhận diện và nghiên cứu các tài liệu hiện còn sót lại.

Nếu không phải chính xác là người An Nam, như Hàn Dũ khẳng định, họ không thích quá khứ thì chắc chắn rằng họ đã có lịch sử và có các phương pháp riêng của họ, một quan niệm hoàn toàn khác với quan niệm của các sử gia người phương Tây. Lịch sử đối với họ là một bài học, một bằng chứng, một sự tán dương hay sự phê phán. Đó là một tác phẩm về đạo lý hay văn chương, là điều phù hợp với truyền thống Khổng giáo và được áp đặt bởi các nguyên tắc chuẩn mực.

Trong mọi nguyên tắc, truyền thống này gọi lên sự bắt chước các công trình nghiên cứu lịch sử của Trung Hoa và nó còn lưu lại mọi sự không hoàn chỉnh và mọi sự thiếu sót. Cơ quan chuyên viết sử được ra đời, là một tổ chức của bộ máy nhà nước như mọi cơ quan khác và vai trò cơ bản của nó là việc sưu tầm, biên tập các văn bản chính thức của nhà vua để soạn thảo các biên niên sử. Về mặt nguyên tắc, các cuốn biên niên sử này tạo ra cái nền liên tục của lịch sử và chính với các cuốn biên niên này mà các nhà sử học hay sớm hơn là các nhà nho đã liên tục làm trầm trọng thêm những sai lầm, xóa bỏ và thay đổi lại sự thật theo ý của mình mà không dựa vào các nguồn gốc xuất xứ và nguyên nhân của nó.

Tình trạng này, không tránh khỏi trong các công trình nghiên cứu mà chúng ta đang có.

Lê Quý Đôn,⁽¹⁾ sống ở thế kỷ XVIII và là người duy nhất mà chúng ta có trong Thư mục về An Nam đã nhìn thấy rõ tất cả những sai sót có hệ thống như sau:

⁽¹⁾ 黎 貴 惇 (Lê Quý Đôn) xem Gaspardone (E): “Thư mục về An Nam”. Tạp chí *Viễn Đông bác cổ Pháp- BEFEO*, 1934, tập I, trang 1-172 và Trần Văn Giáp, “Các bộ thư mục của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú”, Tạp chí *Hội Nghiên cứu Đông Dương-BSEI*, tập XIII, số I, trang 1-217. Chú thêm: Lê Quý Đôn (1726-1784) là nhà bác học lớn nhất của Việt Nam dưới thời phong kiến. Ông đã để lại nhiều tác phẩm trên nhiều lĩnh vực như triết học, văn học, địa lý học, quân sự, chính trị,... Riêng về sử học ông đã để lại cho chúng ta các tác phẩm như *Lê triều thông sử*, *Kiến văn tiểu lục*, *Phủ Biên tạp lục*... Lê Quý Đôn không chỉ là nhà viết sử, ông còn là người tham gia chỉ đạo biên soạn sử với các cương vị: Hàn Lâm Viện Thừa chỉ sung Toàn tu Quốc Sử Quán (1754), Thị thư tham gia biên tập Quốc sử kiêm chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám; Lại Bộ Tả thị lang kiêm Quốc Sử Quán Tổng tài (1775 -1781). Có thể nói, ông là người viết sử theo thể kỷ truyện đầu tiên trong lịch sử sử học Việt Nam, các sự kiện lịch sử được ghi chép rất khách quan và đặc biệt ông đã sưu tầm, lựa chọn nhiều tài liệu có giá trị so với các bộ sử khác. ND.

“Ở xứ sở Việt của chúng ta, ngay từ thời dựng nước, các quan văn đặc biệt được đặt là sử quan nối tiếp nhau đều dùng thẻ biên niên để chép sử. Đó là các cuốn *Biên niên sử về triều Lý* 李史 do Lê Văn Hưu 黎文休 viết, *lịch sử triều Trần* 陳史 do Phan Phu Tiên 潘孚先 viết.

Các cuốn biên niên sử này rất rõ ràng, đúng đắn và người ta đã có thể tìm trong đó các sử liệu. Tuy nhiên, những cuốn biên niên sử đó không chép đầy đủ những điển chương của mỗi một triều đại, mà các điển chương đó đã gần như bị lãng quên. Điều này là một nguyên nhân gây khó khăn cho việc nghiên cứu sử, thật là đáng tiếc. Triều Lê, sau khi dựng nước, với tài thao lược của Thái Tổ 太祖 (tức Lê Lợi), là người mở mang cơ nghiệp và với sự anh minh của Thái Tôn 太宗, người nối dõi cơ đồ đổi mới đất nước về mọi việc... mà các lời nói, huấn cáo, văn vật, điển chương và cải cách của triều đình, có thể so sánh được với Trung Hoa, đã không được chép trong *Thực lục*.

Đến đời Hồng Đức 洪德 (1470 - 1489), quan Tế tửu 祭酒 (Hiệu trưởng trường Quốc tử giám) Ngô Sĩ Liên 吳士連 đã tiến hành viết các cuốn biên niên sử của ba triều từ đời Thuận Thiên 順天 (1428) đến đời Duyên Ninh 延寧 (1458). Các cuốn biên niên sử này nêu các sự kiện một cách khá rõ nét nhưng chưa đúng thứ tự. Ở thời kỳ này, sự lựa chọn các sử quan chính thức là rất nghiêm ngặt, cẩn trọng. Trong số họ, có thể kể ra như Lê Nghĩa 黎義 người chép các sự kiện trung thực, chính xác như chính nó đã diễn ra trong quá khứ và không có sự thiên vị nào hết. Ông có khí tiết trung thực của bậc cổ nhân. Nhưng sách mà ông chép, nay không còn nữa. Giữa đời Hồng Thuận 洪順 (1509-1515), Tổng tài phụ trách viết sử là Vũ Quỳnh 武瓊 đã tiếp tục tiến hành biên chép biên niên sử cũ. Ông chép biên niên sử bốn đời từ năm Quang Thuận 光順 (1460) đến đời Đoan Khánh 端慶 (1508). Các cuốn biên niên sử này thì số sắc lệnh điều lệ tương đối đủ. Còn các tấu, sớ của các quan thượng thư, công việc bổ dụng còn thiếu sót nhiều. Từ đời Hồng Thuận 洪順 (1509), buổi đầu đời Trung hưng (thế kỷ XVI), việc viết biên niên sử bị gián đoạn. Chỉ đến giữa đời Dương Đức 陽德 (1672-1673) thì các quan sử thần trong triều mới tiếp tục trở lại công việc viết biên niên sử. Tuy nhiên, các cuốn biên niên sử đã được viết ra còn chưa chu đáo, các sự kiện, tài liệu không được thu thập một cách cẩn thận và việc tra cứu các sự kiện, tài liệu đó không được thực hiện một cách tinh tường, tỷ mỉ. Công việc trải qua hơn 100 năm mà lại do nhiều người biên soạn, thế mà lại thiếu chính xác, sơ sài đến thế.

Nói chung phép làm sử đòi hỏi các chi tiết về các sự kiện phải được tập hợp đầy đủ chính xác để người đọc sau này hiểu được các sự kiện đó như chính mình được thấy. Chúng ta hãy nêu qua các điều lớn như: những điềm trời lành dữ, các hiện tượng trong thiên nhiên; các chuyến tuần thú, tuần hạnh của các vua; việc lập các hậu, phi và thái tử; các dụ và chiếu chỉ của các vua ban xuống; các tấu, sớ của

các quân thần tâu lên; việc bổ dụng và giáng chức của các quan thượng thư; các việc bổ dụng, chuyển chuyển của các quan tổng đốc; việc sai phái các quan văn võ trong ngoài; việc thăng thưởng trong Tôn thất hoàng tộc đều phải chép trung thực; các cuộc cải cách dựng lên hay bãi bỏ, các luật lệ liên quan đến tuyển dụng quan lại vào các ngạch, bậc; các việc binh chính, quốc dụng, binh quyền, thuế khóa, tiền tệ; các mối bang giao qua các chuyến đi sứ ở Trung Hoa; các cuộc tiếp đón các sứ thần; sự công nhận các bộ lạc của xứ Chiêm (Champa) và Lào; văn thư bang giao với các nước láng giềng; các cuộc xuất binh đến Champa và Lào; các cuộc rước lễ và cử nhạc tế trời, đất, tổ tiên, tôn miếu; các lễ tế núi, sông, các bài nhạc, điệu múa cổ, nghi lễ trong cung đình, phong tước họ nội ngoại, dòng dõi nhà vua công thần, quan lại có nhiều công lao, đóng góp phải theo từng việc mà chép đầy đủ ngày tháng...

Theo thể lệ ấy thì, thấy các sự kiện chiếm khoảng một phần trong số mười phần mà sử cũ đã chép lại thực sự làm cho những người quan tâm xem xét đời xưa bàn bạc việc nước, triều chính không biết dựa vào đâu mà khảo cứu..."

Lê Quý Đôn viết tiếp: *"Ý định của tôi, đó là theo đuổi phương pháp cổ điển, viết theo lối ghi chép các sự kiện, sự tích lịch sử, địa chí... (theo cách các quan chép sử Trung Hoa) mà trong đó, chép theo các sự loại chia theo từng điều, đủ cả đầu cuối, phân biệt rõ ràng. Tôi cũng bổ sung vào đó lời bàn của tôi, những phê phán của tôi. Về các ghi chép đó tôi sẽ viết phỏng theo thể lệ của Tùy thư (Souei Chou) 隋書 và Tấn thư (Tsin Chou) 晉書 do Ngụy Trưng (Wei Tcheng) 魏徵 biên soạn. Trong đó, tôi sẽ ghi chép thêm vào các chính sự của các vua triều Lý và triều Trần lên trước thể lệ của triều Lê. Tôi soạn nó thành một bộ Thông sử 通史 (bộ sử hoàn chỉnh) để thành đại điển của một triều đại. Tuy nhiên, vì sự cách xa các triều đại này hơn 200 năm, nên tôi đã gặp khó khăn lớn: các tài liệu cũ đã bị mất từ lâu hoặc bị tản mát nhiều nơi. Các tập truyền của các dòng họ trước đây không dò hỏi, khảo cứu được nữa... Việc biên soạn do tôi thực hiện thật là khó khăn bởi trước đó chưa có ai làm. Các bộ Thực lục mà tôi có, chép lại sơ lược và sai lầm không thể kể hết. Chúng làm cho tôi không thể căn cứ hoàn toàn vào đó được. Tôi phải mở rộng để đi tìm kiếm nhiều quyển sách lẻ tẻ còn sót lại, các truyện ký, liệt truyện các bản dã sử, gia phả các thế gia, các văn bản khắc trên bia đá, trên đồng và cả đến các sách vở do các học giả Trung Hoa viết..."*

Chương trình rất nhiều hứa hẹn vì Lê Quý Đôn không chỉ là dự định lập ra một bộ bách khoa toàn thư về các triều đình An Nam giống như các triều vua khác ở thời Trung cổ trên thế giới được yêu thích, nhưng từ lâu đã bị chúng ta từ chối.

Tuy nhiên, chúng ta cho rằng nếu quan niệm là rõ ràng thì nó lại cho thấy sự nhầm lẫn thường xuyên giữa các tài liệu gốc, có nghĩa là sự nhầm lẫn giữa các tài

liệu lưu trữ chính thống và các công trình biên soạn. Sự nhầm lẫn này luôn gây ra những hậu quả trầm trọng.

Vì vậy, chúng ta cần phải có bộ sưu tập các cuốn biên niên sử chuẩn, là nguồn gần như duy nhất cho các nhà sử học nghiên cứu về lịch sử An Nam. Lịch sử luôn được xem xét lại và được chỉnh sửa lại một cách liên tục cho đến ngày hôm nay. Nó là nền tảng cho các nghiên cứu ban đầu về lịch sử đương đại, như nghiên cứu của Trương Vĩnh Ký từ phía An Nam, của Legrand de la Liraye từ phía Pháp và gần đây nhất với chúng ta là cuốn “Lịch sử hiện đại xứ An Nam” của Ch. Maybon.

Nhưng khi biết bao điều còn đang ở trong bóng tối, biết bao nghi hoặc, biết bao nhầm lẫn trong biên niên sử, gây ra những lỗi trầm trọng, không có những sự liên tục hoàn chỉnh, không có những cái nhìn tổng quát mà chỉ có một số nhận định, một số đánh giá thiên lệch về các sự kiện và các nhân vật. Các viên tướng thua trận luôn là những kẻ phạm tội, anh em nhà Tây Sơn là những kẻ bạo loạn, nhà Trịnh bị lên án nghiêm khắc bằng chính các văn bản của triều Nguyễn. Triều đình nhà Nguyễn thấy vai trò của họ bị giảm đi bởi các nhà sử học có cảm tình với triều Lê. Vậy tìm được sự thật ở đâu trong tất cả những thứ đó? Thật là khó khăn.

Để bổ sung cái xuất xứ khá phức tạp này mà các bộ biên niên sử đã được viết, có thể cần phải xem xét lại các tài liệu gốc. Còn quý hơn vàng khi vẫn còn sót lại các tài liệu trước thế kỷ XVII do các cuộc chiến tranh xâm lược, các cuộc nổi dậy, các thay đổi của các triều đại, cũng như do thiếu sự quan tâm của con người và các mối nguy hại của khí hậu đã làm biến mất các tài liệu cổ.

Lê Quý Đôn⁽¹⁾ rất xót xa về điều đó. Ông đã ghi lại các vụ tàn phá gây ra bởi các cuộc đánh chiếm của quân Chiêm (1371), việc di chuyển các tài liệu lưu trữ của nhà Hồ đến Nam Kinh của tướng Trương Phụ⁽²⁾ (1400-1403) sau khi viên tướng này giành chiến thắng.

Đó là các bộ sách tập hợp các sử liệu do những người đầu tiên triều Lê thực hiện (1460-1496), nhưng chúng cũng đã bị tàn phá trong vụ đánh chiếm thành Thăng Long của Trần Cảo⁽³⁾ (1516), mà khi đó các tài liệu lưu trữ và các bộ sách đã bị phân tán và mất mát trong các cuộc di chuyển. Sau khi thành Thăng Long được nhà Lê tái chiếm vào năm 1592, ngọn lửa một lần nữa đã thiêu cháy hết các tài liệu đương thời, các tài liệu cổ và các bộ sách còn giữ được thì việc thu thập lại gặp vô cùng khó khăn.

Tất cả những điều đó thật là đáng tiếc, như chính Lê Quý Đôn đã phải thốt lên, rồi việc bảo quản chúng trong các thư viện Hoàng cung đã rất sơ sài và không

⁽¹⁾ Xem Trần Văn Giáp: Tlđd trang 1-217.

⁽²⁾ Tchang Fou 張 輔 [Trương Phụ].

⁽³⁾ Trần Cảo 陳 高.

hề có các cơ quan riêng nào được giao trông coi giữ gìn các tài liệu cơ mật của triều đình, không đặt riêng các viên quan nào chịu trách nhiệm chuyên trách việc thu giữ, trông coi đối với sách vở trong các thư viện ấy:

“Không hề có một nguyên tắc quy định riêng nào cho việc đánh giá so sánh từng quyển sách vở và sao chép lại cùng với bảo quản sách. Các nho sĩ qua các triều đại cũng chỉ quan tâm đến việc mua để chứa, cất giữ, tập hợp các sách trong đó có các bài văn liên quan đến chương trình thi cử mà họ đã học. Khi họ tìm thấy các bộ sách của các tác giả đời trước để lại và của người nước ngoài biên soạn mà không liên quan đến việc học, việc thi cử thì họ làm ngơ không sao chép lại. Nhưng ngay cả trong khi có người sao chép, họ xem nhẹ việc đánh giá, so sánh về sự chính xác của các sách vở đó. Đôi khi có những người thích tàng trữ sách cổ thì họ coi chúng như tài sản riêng và giấu giếm kỹ, không cho mọi người xem. Chính vì vậy, việc đi tìm sách vở thật khó khăn. May ra tìm được quyển sách nào thì lại thấy chúng có đầy lỗi, viết sai, bỏ sót, đến nỗi mà chúng ta không thể hiểu được đúng, sai thế nào. Thật vô cùng đáng tiếc đối với những người có kiến thức”.

Cũng vẫn là sự nhầm lẫn giữa tài liệu lưu trữ và sách sử. Đừng quên rằng Lê Quý Đôn đã nhận xét ở thời điểm giữa thế kỷ XVIII rằng: Theo ông, cuộc đại nổi dậy của nhà Tây Sơn đã nhanh chóng mang đến các cuộc tàn phá mới và làm biến mất những gì còn sót lại hoặc thoát khỏi các vụ bạo loạn trước đó.

Trong chùng mực mà hiện nay chúng ta có thể khẳng định điều đó và tôi rất mong muốn được cải chính điều đó. Gần như chẳng còn lại gì về các tài liệu gốc từ trước thời vua Gia Long. Một vài văn bản hiện nay được biết đến và chúng lại không nói lên được những gì đã được nêu từ thế kỷ XVII, dù là rất ít và chỉ đại diện như là một vài tài liệu quý, hiếm mà thôi.

Tuy nhiên, chúng cũng giúp ích vào việc xác định hình thức văn bản và các quy tắc soạn thảo các văn bản đó. Việc thiếu các tài liệu gốc tạo ra trở ngại thứ hai mà nhà sử học gặp phải khi nghiên cứu về lịch sử An Nam.

Lê Quý Đôn nêu lên các nguyên nhân của sự biến mất các tài liệu này. Đó không chỉ là do các cuộc chiến tranh, các cuộc cướp phá mà còn là sự thiếu quan tâm của các nhà cầm quyền trong việc bảo quản tài liệu lưu trữ của mình, “không hề có các cơ quan riêng nào được giao trông coi giữ gìn các tài liệu cơ mật của triều đình”.

Phải đến năm 1802, năm Gia Long thứ nhất, mới được ghi nhận bằng việc lập ra hai cơ quan Thị hàn viện⁽¹⁾ và Thị thư viện⁽²⁾, nói một cách văn vẻ là “chờ để

⁽¹⁾ 侍翰院 [Thị hàn viện].

⁽²⁾ 侍書院 [Thị thư viện].

viết”, là loại như một ban Thư ký Hoàng cung và vào năm 1803, một phòng giữ con dấu hay còn gọi là Thượng bảo ty⁽¹⁾ gồm 2 nhân viên, một trưởng quan và một phó quan giữ con dấu.

Đó chính là sự khởi đầu của một tổ chức được phát triển và được vua Minh Mạng chính thức chú ý như mọi tổ chức khác, đã có các quan hành chính giỏi, tài năng và có học thức.

Năm 1820, Minh Mạng lập Văn thư phòng,⁽²⁾ Văn phòng Hoàng cung để thay cho Ban Thư ký của vua cha (tên cũ là Thị thư viện và Thị hàn viện) và cấp cho nó một con dấu mới.

Nhân sự được ấn định là 40 người, được phân bổ vào 4 ban hay còn gọi là Tứ tào vừa chịu trách nhiệm chuẩn bị soạn thảo các văn bản để trình nhà vua, vừa làm công việc bảo quản các tài liệu lưu trữ và các con dấu của triều đình.

Để dần dần cho áp dụng theo các bộ luật của triều Minh và Thanh, vài năm sau, Minh Mạng đã cho đổi Văn thư phòng thành Nội các.⁽³⁾ Việc tái lập này phản ánh sự mô phỏng theo Trung Hoa và nó không tạo ra sự khác biệt giữa việc thực thi quyền lực trong việc điều hành đất nước và những mối quan tâm về văn chương của nhà vua, với tư cách là nhà thơ đầu tiên.

Nội các khi đó gồm 4 sở lớn:

1. Thượng bảo 上寶: Tàng trữ các loại bảo tủy, ấn chương, sách vàng...
2. Ty luân 司綸: Chịu trách nhiệm soạn thảo chỉ dụ của vua.
3. Bí thư 秘書: Là Ban thư ký đặc biệt lưu trữ các thư tịch, tài liệu của triều đình, ghi chép các thơ văn ngự chế.
4. Bản chương 版章: Thu thập văn thư. Bộ phận cuối cùng này mới thực sự là đại diện cho các tài liệu lưu trữ đích thực của vua.

Bộ phận này lại được chia thành ba ban, mỗi ban tương đương với hai trong sáu bộ:

1. Lại Hộ chương 吏戶章: Giữ các sách vở thuộc về nhân sự và tài chính.
2. Lễ Binh chương 禮兵章: Giữ các sách vở thuộc về lễ nghi và việc binh.
3. Hình Công chương 刑工章: Giữ các sách vở thuộc về tư pháp và công chính.

Tất cả mọi văn bản vua ban ra và tất cả các tấu, sớ được trình cho vua ngự lãm đều được chuyển qua Nội các. Các văn bản do Nội các chuẩn bị được sáu bộ

⁽¹⁾ 上寶司 [Thượng bảo ty].

⁽²⁾ 文書房 [Văn thư phòng].

⁽³⁾ 內閣 [Nội các].

trên kiểm soát, cũng như là các tài liệu, văn bản được trình bởi các bộ lên vua đều được Nội các kiểm soát.

Trong trường hợp còn có sự tranh luận, nhà vua là người cuối cùng ban lệnh. Các sai sót và giả mạo sẽ bị trừng trị nghiêm khắc bằng việc giáng chức hoặc tù quan.

Để tránh lạm dụng quyền lực, phụ trách các ban của Nội các chỉ được tuyển chọn người trong số các quan lại trật chỉ đến tam phẩm, tứ phẩm và trong số các quan lại ở hạng nhất phẩm đứng sau các thượng thư các bộ.

Dưới triều Tự Đức, Nội các giảm đi vai trò của mình về hành chính và được mở rộng tầm quan trọng của nó về mặt văn chương. Nội các trở thành một ban chịu trách nhiệm về thơ văn và tập hợp các ngự chế, thơ văn, in thành sách và bình lên cho vua nghe. Nhân sự của Nội các là sự tập hợp các nhà nho uyên bác nhất của triều đình.

Sau triều Tự Đức, tầm quan trọng của Nội các bị giảm đi rất nhiều.

Do sự cải tổ từ ngày 2/5/1933, Nội các được thay bằng Văn phòng hay còn gọi là Ngự tiền Văn phòng⁽¹⁾ và được lãnh đạo bởi một người có năng lực thật sự hoàn hảo, ngài Phạm Quỳnh.^(a)

Nội các lúc này không còn là như trước, mà chỉ còn là kho tài liệu lưu trữ chính thống của triều đình. Ở đó lưu trữ:

1. Tất cả các hiệp ước của các vua An Nam đã ký với ngoại quốc.
2. Các thư từ, công văn trao đổi, bang giao với nước ngoài.

⁽¹⁾ Ngự tiền Văn phòng: 御前文房.

^(a) Trong đợt cải tổ Nội các này của vua Bảo Đại sau 6 năm du học ở Pháp về, Phạm Quỳnh đã được bổ giữ chức Thượng thư Bộ Học (tức Bộ Giáo dục quốc dân) theo Đạo dụ số 29 ngày 2/8/1933 của vua Bảo Đại. Trong 5 vị tân Thượng thư trẻ tuổi Tây học được bổ nhiệm lần này có lẽ chỉ có ký giả Phạm Quỳnh (1892-1945) xuất thân hàn sĩ (trước đó ông là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút *Nam phong tạp chí*) một bước lên đại thần. Điều đó chứng tỏ uy tín năng lực của ông rất cao. Sau đó Phạm Quỳnh còn chủ trì và tham gia biên soạn hai bộ sử cuối cùng trong hệ thống *Đại Nam Thực lục* của triều Nguyễn là *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế lục kỷ phụ biên* viết về hai đời vua Thành Thái (1889 - 1907) và vua Duy Tân (1907 - 1916) và *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ* viết về đời vua Khải Định (1916 - 1925). Theo bản khai chức danh của những người tham gia biên soạn hai bộ sử này thì quan hàm đầy đủ của Phạm Quỳnh là: Kiêm quản: Hiệp tá đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Giáo dục quốc dân kiêm sung Ngự tiền Văn phòng Tổng lý đại thần sung Cơ mật viện đại thần (Dẫn theo: *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Sđd, trang 70). Đến năm 1942, ông được bổ làm Thượng thư Bộ Lại.

Ngoài việc đóng góp cho nền giáo dục nước nhà với tư cách là Thượng thư Bộ Giáo dục quốc dân, Phạm Quỳnh còn đóng góp cho sự phát triển của chữ Quốc ngữ với câu nói bất hủ: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn” và đặc biệt đã có công lao trong việc bảo quản, giữ gìn và giới thiệu tài liệu lưu trữ trong Hoàng cung triều Nguyễn để các nhà nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước được tiếp cận và nghiên cứu. Công việc đó của ông được sự quan tâm, chấp thuận của vua Bảo Đại, đã được P. Boudet cảm phục và nhắc tới nhiều lần trong tác phẩm của ông.

3. Tất cả ngự chế, tức là các văn bản do chính Hoàng đế viết và các bài thơ do các Hoàng đế sáng tác.

4. Các bản đồ và sơ đồ.

5. Một phần tài liệu hành chính được các vua bút phê hay còn gọi là Châu bản, mà một phần lớn hiện được lưu giữ ở Sử quán để soạn thảo các bộ biên niên sử, trong số đó chỉ còn là bản sao, trừ tất cả các tài liệu gốc đã được giới thiệu ở Sử quán.

6. Một phần các bài thi, gọi là Điện thí quyền 殿試卷 mà một phần khác có ở Thư viện Bảo Đại, trong Di Luân viện.⁽¹⁾

7. Một phần các bộ sách chữ Hán được sưu tầm dưới triều Minh Mạng, một phần khác được bảo quản ở Di Luân. Di Luân là một cơ quan thuộc Nội các để tàng trữ các quyền sách và các bài thơ, văn.

Tất cả các tài liệu này được bảo quản trong một ngôi nhà trang trọng, có phong cách kiến trúc đặc trưng, trên một vòm lâu rộng, đó là Đông Các điện.⁽²⁾ (Xem hình III trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Đông Các điện ẩn náu kín đáo bên cạnh điện Cần Chánh nên hoàn toàn yên tĩnh. Thi thoảng, ngoài những tiếng động mở các hòm rương chứa tài liệu và những tiếng đập nhẹ nhàng của những cánh dơi. Các nhà sử học và các nhà nho cũng chẳng thường xuyên đến nữa và những mái ngói cong cong, xanh màu rêu phong mỗi ngày dần loang ra, người ta lại nghĩ đến tấm vải liệm Hồng y của Renan.^(a)

Bên trong điện, các tài liệu bị giữ chặt trong các hòm, rương được sơn son theo kiểu Trung Hoa. Không phải là không còn cảm xúc bồi hồi khi người ta mở

⁽¹⁾ 彝倫院 [Di Luân viện].

⁽²⁾ 東閣殿 [Đông Các điện].

^(a) Renan: Ernest Renan (1823 - 1892) là nhà sử học, nhà triết học và nhà văn Pháp.

Trong tác phẩm *Souvenirs d'enfance et de jeunesse, Prière sur l'Acropole* (Những kỷ niệm thời thơ ấu và tuổi trẻ, lời cầu nguyện về thành Acropole) ông có viết:

“La foi qu'on a eue ne doit jamais être une Chaîne on est quitté envers elle quand on l'a soigneusement roulée dans le linceul de pourpre où dorment les dieux morts”. (Niềm tin mà chúng ta có không bao giờ cũng phải là một cái xiềng xích. Người ta đã rời bỏ nó khi cẩn thận cuộn nó vào trong tấm vải liệm của Hồng y, nơi các vị thần linh yên nghỉ). Theo: *lexilogos.com*. Chú thích: Thành Acropole được xây dựng trên một núi đá cao hơn 200m tại làng Mycène (thuộc thành phố Athènes-thủ đô Hy Lạp) là thủ phủ của những người Atriches và Mycènes, từ thế kỷ XVI trước CN là trung tâm của nền văn minh và lịch sử Hy Lạp cổ đại. Thành bị người Ba Tư tàn phá trong các cuộc chiến tranh với người Médique (người Iran cổ xưa) và bị người Doriens (người La Mã cổ) tàn phá ở thế kỷ thứ II sau CN.

Dẫn theo nguồn: Atheisme Free Fr (Chủ nghĩa vô thần-Người thức tỉnh). Paul Boudet đã mượn hình ảnh “Tấm vải liệm của Hồng y” trong bài viết của Ernest Renan để nói rằng những tài liệu lưu trữ bị cất giữ, giữ kín không được sử dụng, bị quên lãng chẳng khác gì chôn vùi nó vĩnh viễn, bỏ trong tấm vải liệm.

các nắp hòm, rương ra để trích dẫn các câu đối, các bộ tranh sưu tập, các bài thơ được soạn và viết ra, dưới ngọn bút tài năng của các nhà nho uyên bác như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Thời gian, sự ảm thấp, côn trùng, những con dơi miệt mài bám riết và phá hoại các ký ức quý giá của tiền nhân và nếu người ta không bảo tồn chu đáo, nó sẽ nhanh chóng biến mất. Tòa nhà cần phải được sửa chữa một số bộ phận, nhưng cần nhất vẫn là tổ chức việc chăm sóc hằng ngày một cách cẩn thận bởi một số nhà nho có uy tín và có tình yêu với quá khứ.

Những tài liệu và hiện vật quý giá nhất được bảo quản ở Ban 3 và 4 của Nội các, cách điện Cần Thành không xa và lập ra một kiểu kho báu của vương quốc mà ở đó có thể gặp các bảo vật đa dạng nhất như: Các chế văn phong vương do các hoàng đế Trung Hoa phong cho các vua An Nam từ triều Gia Long, các sách vàng của triều đình, các ấn tỷ bằng ngọc hay bằng vàng của vua, thái hoàng thái hậu, hoàng thái hậu, hoàng tử và công chúa (xem hình I trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Cuối cùng, cũng cần phải nhắc đến việc đánh số, kiểm kê các đồ nghệ thuật, đồ đồng, đồ sứ, đồ binh khí v.v..., những thứ tạo ra thành một bảo tàng được giới thiệu nổi bật ở hai hành lang tả vu và hữu vu của điện Cần Chánh.

Mặt khác, như chúng tôi đã nêu, một phần quan trọng của các văn bản gốc của Nội các đã được chuyển đến Sử quán để phục vụ cho việc soạn thảo các bộ biên niên sử.

Phòng Biên niên sử, Quốc sử quán⁽¹⁾ (xem hình II trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách), cũng do Minh Mạng lập ra. Năm 1820, ông vua này quyết định lập một phòng mà ở đó các quan lại có kiến thức uyên bác chuẩn bị biên soạn bộ Quốc sử Thực lục,⁽²⁾ tập hợp các sự kiện tiêu biểu của lịch sử dân tộc để chỉ ra “cho hậu thế tất cả sự nghiệp lớn lao của cha ông và lấy đó làm tấm gương.”

Hãy lưu ý khi xem xét định nghĩa này để làm sáng tỏ những điều đã nêu ở trên đối với quan niệm của người An Nam về lịch sử. Các quan lại phụ trách bộ phận này phải là những người uyên bác nhưng vai trò của họ lại không có vị trí lớn trong việc soạn thảo Thực lục. Họ chủ trì việc soạn thảo các công trình nghiên cứu lịch sử ngọc phả và họ đã cố gắng tập hợp các bộ sách đáng chú ý nhất để trình lên vua, ví dụ như: Khảo cứu về vùng Hạ Nam Kỳ (Gia Định thông chí) của Trịnh Hoài Đức⁽³⁾ hoặc 34 tập sách viết về cuộc chiến khôi phục ngai vàng của vua Gia Long.

⁽¹⁾ 國史館 [Quốc sử quán].

⁽²⁾ 國史實錄 [Quốc sử Thực lục].

⁽³⁾ 鄭懷德, 嘉定通誌 [Trịnh Hoài Đức, Gia Định thông chí].

Cuối cùng, chúng ta hãy đề cập một cách tóm tắt đến việc tổ chức và tình trạng tài liệu lưu trữ của triều đình, Tàng thư lâu,⁽¹⁾ nơi đang lưu giữ các sổ sách thuế má. Các tài liệu này cũng có thể cung cấp cho các nhà sử học và các nhà kinh tế các thông tin rất quý báu. Chúng đã bị lãng quên, đằng sau những bức tường cổ kính và không xa một kho thuốc súng cho lắm. (Xem hình III trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Không chỉ là cần xem xét, kiểm tra một cách kỹ lưỡng tất cả các tài liệu đang bị giữ chặt trong các kho này, mà còn là cần thực hiện một nghiên cứu hoàn toàn nghiêm túc để xác định hình thức các văn bản và cách thức soạn thảo toàn bộ các văn bản ở thời đó nữa. Trong khi chúng ta còn chưa có những phương cách nào để thực hiện các việc trên, thì mối quan tâm của Bảo Đại dành cho lịch sử về triều đại mình đã được ngài Phạm Quỳnh tư vấn, cho chúng tôi hy vọng những thuận lợi mà Bảo Đại rất muốn trao cho các cựu sinh viên Trường Pháp điển duy trì và tiếp tục theo đuổi làm sâu sắc thêm trong việc nghiên cứu, kiên quyết cứu vãn sự lộn xộn và việc tàn phá các tài liệu vô giá. Đó cũng là trở ngại thứ ba khi các nhà sử học tiếp cận các tài liệu lưu trữ.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi giới thiệu ở đây một số văn bản đặc biệt, có tính đặc trưng nhất, bị giữ chặt trong các cung điện ở Huế:

1. Một số tài liệu trước thế kỷ XIX.
2. Một số tài liệu triều Gia Long và các vua kế vị.
3. Bản chế văn phong vương cho vua Gia Long.
4. Một số kim ngọc bảo tỷ đặc biệt quý giá.
5. Hai bản sách vàng của triều đình.

6. Cuối cùng, là một số bài thơ trác tuyệt được sáng tác cùng với thủ bút tài hoa của các vị vua uy nghiêm Minh Mạng và Thiệu Trị sẽ cho thấy một tư tưởng phong phú mà vẫn còn tiềm ẩn cho đến ngày nay.

I. TÀI LIỆU TRƯỚC THẾ KỶ XIX

Trước thời vua Gia Long, trong văn khố Hoàng cung chỉ còn lại khoảng hai mươi tài liệu.

Ở Nội các, có 7 tờ thị cho miễn trừ thuế được cấp lại cho dân phường Cồn Cát, huyện Minh Linh, dinh Quảng Bình⁽²⁾ là của các chúa Nguyễn, từ Nguyễn Phúc Thái,^(a) tức Ngải Vương⁽³⁾ cho đến đời của chúa Nguyễn Phúc Thuần, tức

⁽¹⁾ 藏書樓 [Tàng thư lâu].

⁽²⁾ 明靈縣客戶內府葛坊 (廣平) [Minh Linh huyện, Khách Hộ Nội Phủ, Cồn Cát phường, Quảng Bình].

^(a) Nguyên bản phiên âm là Trăn, chúng tôi sửa lại cho đúng hơn.

⁽³⁾ 義王阮福臻 (1687-1691) [Ngải Vương Nguyễn Phúc Thái. Nguyên bản in nhầm năm lên ngôi là 1677, chúng tôi sửa lại cho đúng].

Duệ Tôn,⁽¹⁾ là chú và là người tiền vị của vua Gia Long. Người dân được miễn trừ thuế vì đã cung cấp thuyền cho Ngải Vương trong chuyến đi của ông đến Thuận Hóa (Huế). Để được miễn trừ thuế và các sưu sai, người dân phải nộp hàng năm:

- 200 con cá khô^(a)
- 10 thùng nước mắm^(b)
- 200 thùng muối^(c)

Tờ thị cho miễn trừ thuế được cấp lại lần thứ hai này là vào năm 1695. Đó coi như là một loại “chứng thư” mà Minh Vương⁽²⁾ được cha là Ngải Vương cho phép cấp lại với chính tay ông viết chữ son, đã cho tăng số lượng thùng muối từ 100 lên 200 (xem hình IV trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Nội dung của các tờ thị này là:

a. Tờ thị của chúa Nguyễn Phúc Thái, tức Ngải Vương (1687-1691).

Thời gian: Năm thứ 9 Chính Hòa (1689). Dấu: Tổng trấn Thuận Quảng chi ấn (Dấu của Tổng trấn Thuận Hóa và Quảng Nam).

Bên cạnh dấu này còn có dấu nữa chỉ rõ sự hợp thức, dấu hiệu chứng tỏ giá trị của tờ thị có hai chữ Hán trong đó có một chữ được cách điệu có thể đọc là *Thị Tỷ*, dấu của vua. Điều đáng chú ý, nếu việc đọc chữ thứ hai là chính xác thì các chúa Nguyễn ở Huế đã bắt đầu có ý tiệm xưng vương, thể hiện bằng việc sử dụng chữ *Tỷ* 璽 để chỉ ra là con dấu quyền lực. Vì chữ *Tỷ* được người Hán sử dụng để chỉ rõ đó là dấu của vua mà thôi (xem hình V trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Ở giữa các chữ *Thị* 示 và *Tỷ* 璽, là thực chức của chúa, tác giả của văn bản: Thái phó Hoàng quốc công 太傅弘國公, là tước hiệu của Ngải Vương, Thái tử bậc thứ 4.

⁽¹⁾ 睿宗阮福淳 (1765-1777) [Duệ Tôn Nguyễn Phúc Thuần].

^(a) Nguyên bản ghi là 100 con cá khô, ở đây chúng tôi sửa lại theo bản chữ Hán là 200 con cá khô (xem hình IV trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách) và bản dịch toàn văn bản gốc chữ Hán ở phần Phiên âm và dịch nghĩa bốn văn bản chữ Hán.

^(b) Nguyên văn saumure, chúng tôi dịch là nước mắm theo *Pháp Việt từ điển* của Đào Duy Anh, in lần thứ 2 (có chú thêm chữ Hán), Nxb Minh Tân, Paris, 1950.

^(c) Nguyên bản ghi là 100 thùng muối, chúng tôi sửa lại theo bản chữ Hán là 200 thùng (xem hình IV, đd tại điển (a) trên). Tuy nhiên, căn cứ vào bản chữ Hán dịch giả dịch thành “muối” và chuyển sang tiếng Pháp là “Sel” chúng tôi vẫn thấy băn khoăn. Theo thiện ý của chúng tôi đây là hai chữ Hán gồm chữ “ngư” (cá) và chữ “hàm” (mặn) và đọc âm Nôm là “mắm” có ý là một loại mắm (cá mặn).

Đây là loại chữ Nôm viết theo loại Hội ý, tức là lấy hai chữ Hán đều có nghĩa để chỉ về một ý của một âm Nôm nào đó và ghép lại để tạo ra chữ mới có âm mang ý nghĩa của hai chữ Hán ấy. Trường hợp này ít có trong chữ Nôm. Chúng tôi xin mạnh dạn nêu ra như vậy, mong người đọc cho ý kiến thêm.

⁽²⁾ 明王阮福澗 (1691-1725) [Minh Vương Nguyễn Phúc Chu].

b. Tờ thị của chúa Nguyễn Phúc Chu, tức Minh Vương (1691-1725).

Thời gian: Năm thứ 5 Vĩnh Thịnh (1710). Như nhận xét ở trên. Dấu: Tổng trấn Tướng quân chi ấn.⁽¹⁾ Tước hiệu: Thái phó Tộ quốc công 太傅祚国公 (xem hình VI trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

c. Tờ thị của chúa Nguyễn Phúc Thụ^(a), tức Ninh Vương⁽²⁾ (1725-1738).

Thời gian: Năm thứ 6 Bảo Thái (1726). Nhận xét như trên. Chữ con dấu rất rõ trên tờ thị. Tước hiệu: Thái bảo Đình quận công 太保鼎郡公. Tôn hiệu Ninh Vương. Điều đáng chú ý là năm 1726 chỉ là Thái bảo (Thái tử Thái bảo): Nghĩa là Đại công tử, đại thần phẩm cấp bậc 4 và Quận công, Thái tử bậc thứ 5, kém một bậc chức Thái phó (Thái tử Thái phó): Đại thần phẩm cấp bậc 3 và Quốc công, Thái tử bậc thứ 4. Điều đó cũng không ngăn cản người kế vị mình là Nguyễn Phúc Khoát⁽³⁾ mang tôn hiệu trị vì Võ Vương (1738-1765) và ngay từ năm 1744 trở về sau đã có con dấu khắc chữ Quốc vương chi ấn để thay cho dấu cũ của quan Tổng trấn (xem hình VII trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

II. TÀI LIỆU TỪ THỜI GIA LONG VÀ CÁC HOÀNG ĐẾ KẾ TIẾP

Hãy xem một văn bản khá kỳ lạ được lưu trữ ở Sử quán cùng với nhiều tài liệu khác cùng loại (xem hình VIII và IX trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

Một văn bản Châu bản triều Gia Long có niên đại năm 1819, trong đó Thái y viện của triều đình trình lên vua một thang thuốc:

Hạ thân Đoàn Văn Hòa, phó Thái y ở Thái y viện cúi đầu bái lạy, kính tâu:

Sau khi bắt mạch Hoàng thượng, chúng thần nhận thấy các mạch đập hơi trầm và yếu, mạch đập của thận nói chung bình thường. Ba mạch đập bên phải hơi trầm và yếu. Mạch đập ở vùng tỳ khá hơn so với thời điểm vào ngày 4 tháng này. Với nhận định đó, nên chúng thần kính dâng Hoàng thượng thang thuốc thất vị có gia giảm để bổ thận này dùng vào buổi sáng và buổi chiều và thang thuốc “thọ tỳ” (bổ dạ dày) để dùng vào ban ngày, tăng sức cho dạ dày.

Chúng thần thực sự lo lắng và kính cẩn dâng trình

Thang thuốc “Thất vị” đã được gia giảm để dùng buổi sáng và buổi chiều.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ 總鎮將軍之印 [Tổng trấn tướng quân chi ấn].

^(a) Nguyên bản phiên âm là Trú, chúng tôi sửa lại cho đúng hơn.

⁽²⁾ 寧王阮福澍 (1725-1738) [Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ].

⁽³⁾ 武王阮福濶 (1738-1765) [Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát].

⁽⁴⁾ Thực địa 熟地 (*Rehmannia preparée*), Hoài sơn 淮山 (*Dioscorea japonica*), Du nhục 萸肉 (*Cornouillier*), Phục linh 茯苓 (*Pachyma cocos*), Nhục quế 肉桂 (*Cannelle du tronc*), Ngũ vị 五味 (*Kadsura*), Liên nhục 蓮肉 (Graines de lotus), Thò ty tử 兔絲子 (*Cassytha filiformis* Blume). Mỗi tiền tương đương với 3 gr 905. Mỗi phân là 0 gr 3905.

<i>Thục địa, 2 tiền</i>	<i>Nhục quế, 3 phân</i>
<i>Hoài sơn, 3 tiền</i>	<i>Ngũ vị, 1 phân</i>
<i>Du nhục, 7 phân</i>	<i>Liên nhục, 5 phân</i>
<i>Phục linh, 5 phân</i>	<i>Thổ ty tử, 3 phân</i>

Nước một bát 5 phân/10, sắc còn 6 phân/10. Dâng lên Hoàng thượng, dùng xa bữa ăn.

Thang thuốc “Thọ tỳ” dùng trong ngày:⁽¹⁾

<i>Sa sâm, 2 tiền</i>	<i>Viễn chí, 2 phân</i>
<i>Bạch truật, 1 tiền 5 phân</i>	<i>Bào khương, 2 phân</i>
<i>Hoàng kỳ, 1 tiền</i>	<i>Liên nhục, 2 phân</i>
<i>Hoài sơn, 2 tiền</i>	<i>Ô mai, 2 quả</i>
<i>Chích thảo, chút ít</i>	<i>Thăng ma sao, 1 phân</i>
<i>Toan táo, 3 phân</i>	

Nước một bát 5 phân/10, sắc còn 6 phân/10. Dâng lên Hoàng thượng, dùng xa bữa ăn.

Gia Long năm thứ 18, tháng 11, ngày mừng sáu ^{(2),(a)}

Thần Đoàn Văn Hòa (ký và đóng dấu)

Cùng ngày tháng đề trên tờ tâu trình, lệnh chỉ: Đã biết rồi!

Thần Trần Công Tuân

Sau khi sử dụng thang thuốc nhà vua đã khen ngợi và ngự phê bằng son đỏ: “Đến ngày Đông chí (tháng 11 An Nam tức ngày 22 tháng 12), khí dương đã trở lại, nhờ có thang thuốc này, thấy rất công hiệu. Trẫm rất hài lòng.”⁽³⁾

Vào tháng 8/1822, phái bộ Anh quốc do John Crawford⁽⁴⁾ dẫn đầu được Toàn quyền Anh ở Ấn Độ Lord Hasting⁽⁵⁾ cử đến để xin mở cửa cho nước này buôn bán.

⁽¹⁾ Sa sâm 沙參 (*Adenophora polymorpha*), Bạch truật 白朮 (*Atractylis blanc*), Hoàng kỳ 黃芪 (*Astragalus*), Hoài sơn 淮山 (*Dioscorea japonica*), Chích thảo 炙草 (Régliste torréfié), Toan táo 酸棗 (Jujube amère), Viễn chí 遠志 (Polygala), Bào khương 泡薑 (Gingembre bouilli et séché), Liên nhục 蓮肉 (Graines de lotus), Ô mai 烏梅 (Pruneaux d'abricots), Thăng ma sao 升麻炒 (Astilbe ou thalictrum grillé).

⁽²⁾ 17/12/1819, tức khoảng một tháng rưỡi trước khi nhà vua mất.

^(a) Trong nguyên bản ghi là ngày mồng một, chúng tôi sửa lại là ngày mồng 6 cho đúng theo bản gốc chữ Hán. Xem bản dịch toàn văn bản gốc chữ Hán của thang thuốc này ở phần Phiên âm dịch nghĩa bốn văn bản chữ Hán.

⁽³⁾ Nhật giới trường chí nhất dương lai phục chính賴藥餌收功予不勝慶喜之至.

⁽⁴⁾ Phiên âm theo chữ Hán: 咽 嚙 拂.

⁽⁵⁾ Phiên âm theo chữ Hán: 遐 咤 咤.

Phó vương^(a) các tỉnh miền Nam (Nam Kỳ hiện nay) là Lê Văn Duyệt tiếp kiến phái đoàn Anh với sự hiện diện của Diard,⁽¹⁾ nhà thực vật và tự nhiên học người Pháp, một cách nhã nhặn, tiếp nhận từ họ những lời lẽ tốt đẹp, nhưng vì không muốn giao thiệp với người ngoại quốc nên đã từ chối nhận tặng phẩm gồm những tấm vải nhung đỏ, xanh của Anh quốc, một cái ống nhòm dài và một khẩu súng trường.

Sau đó, Lê Văn Duyệt vội vã gửi bản tấu về việc này cho triều đình, đồng thời cử người giám sát chặt chẽ chiếc tàu nước ngoài này. Đó là văn bản mà chúng ta thấy vua ngự phê bằng chữ son đỏ: “Biết rồi, kính cẩn mà làm.”⁽²⁾

Lưu ý con dấu của Tổng trấn Gia Định : Gia Định thành Tổng trấn chi ấn.⁽³⁾ Đó là một tài liệu của Sử quán (xem hình X, XI và XII trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).^(b)

III. CHẾ VĂN PHONG VƯƠNG

Tất cả các vua An Nam đã liên tục duy trì sự liên hệ với các hoàng đế Trung Hoa. Cùng với thời gian, sự việc đó mang tính biểu tượng hơn là tính hiệu lực. Các vua triều Lê cũng như thời Tây Sơn ngán ngùi, đã không bỏ lỡ việc yêu cầu các hoàng đế Trung Hoa tấn phong ngay sau khi đăng quang. Đổi lại, các hoàng đế Trung Hoa cũng tấn phong cho các vua An Nam một cách long trọng bằng việc trao chế văn phong vương với một con dấu chư hầu. Con dấu này thay đổi theo tùy loại các chư hầu như đối với vua Triều Tiên thì dấu bằng vàng và trên con dấu là một con rồng. Đối với các vua Lào, Xiêm, Miến Điện và An Nam, dấu được làm bằng hợp kim bạc và vàng, trên con dấu đó là một con lạc đà.⁽⁴⁾

Vua Gia Long, ngay sau khi giành lại kinh đô cho nhà Nguyễn, đã nhanh chóng sang triều cống hoàng đế Trung Hoa Gia Khánh,⁽⁵⁾ bằng việc cử sứ thần là Trịnh Hoài Đức, một sử gia mà tên tuổi của ông chúng tôi đã nói ở trên và là tác giả cuốn Gia Định thông chí. Ông được giao một sứ mệnh với ba việc:

- Hoàn lại con dấu và sắc phong trước đây đã trao vào năm 1793 cho vua triều Tây Sơn là Nguyễn Quang Toản đã bỏ lại trong cuộc chạy trốn.

^(a) Mặc dù không có chức Phó vương nhưng tác giả gọi Lê Văn Duyệt là Phó vương (Le Vice-Roi) chứng tỏ quyền hạn, vai trò, thế lực của Lê Văn Duyệt là rất lớn chỉ sau vua mà thôi.

⁽¹⁾ Xem Peyssonneaux (J.H): “Cuộc đời, các chuyến đi và các công trình của Pierre Mesdard Diard, nhà tự nhiên học người Pháp”, Tạp chí Đô thành hiếu cổ Huế - BAVH, 1935, trang 1 - 120

⁽²⁾ Tri đạo liễu, khâm thủ 知道了欽此.

⁽³⁾ 嘉定城總鎮之印 [Gia Định thành Tổng trấn chi ấn].

^(b) Xem bản dịch toàn văn bản gốc chữ Hán tờ tấu này của Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt ở phần Phiên âm và dịch nghĩa bốn văn bản chữ Hán.

⁽⁴⁾ Xem G. Deveria: Lịch sử các quan hệ của Trung Hoa với An Nam-Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Paris, Leroux - 1880.

⁽⁵⁾ Gia Khánh [Kia King] 嘉慶 (1795 - 1820).

- Giao nộp những tên cướp người Trung Hoa đã cấu kết với nhà Tây Sơn cướp phá dọc vùng duyên hải Trung Hoa.

- Xin công nhận vua Gia Long là chư hầu.

Cùng năm đó, công việc đầu tiên được thực hiện ngay là cử sứ thần đi triều cống và cầu phong vương. Hai việc này được hoàng đế Trung Hoa tiếp nhận nhiệt tình. Ngày 3 tháng 10 năm 1803, hoàng đế Trung Hoa giao cho quan đại thần là Ân sát Quảng Tây [lúc đó là Tề Bố Sâm. ND] sang trao chế văn phong vương và con dấu chư hầu cho vua Gia Long vào đầu năm 1804. Lễ tiếp nhận được cử hành trọng thể trước mặt các quan cận thần của triều đình tại điện Kính Thiên ở Hà Nội.

Bản chế văn thừa nhận việc lên ngôi của vua Gia Long và nhắc lại mối quan hệ bang giao giữa hai nước từ thế kỷ XI, trao vương hiệu cho tân vương là Việt Nam quốc vương.⁽¹⁾ Vua của Việt Nam. Vương hiệu này được thể hiện trên con dấu rất đẹp, bên trên có hình con lạc đà. Nhưng tiếc thay, về sau con dấu này đã bị phá hủy sau Hiệp ước 1884^(a) trước sự hiện diện của các đại diện Pháp và An Nam.

Ấn này đã được phục chế lại, đem ra trưng bày nhân cuộc triển lãm lịch sử.^{(2),(b)}

Chế văn phong vương của Hoàng đế Gia Khánh cho vua Gia Long

Kính mệnh trời mở vận nước.

Hoàng đế ban chế phong sau:

Thiết lập trật tự các tước phong trong việc trị vì và phân chia đất đai cho các chư hầu, đó là ân huệ của một thiên triều luôn quan tâm tới các chư hầu gần, xa của trăm. Khôi phục sự vĩ đại của một đất nước và tiếp nối các truyền thống của các triều đại, đó cũng là lòng trung quân chính trực của một chư hầu gắn bó với những vận mệnh của thiên triều.

Hành động nhân từ khuyến dụ của thiên triều đối với các chư hầu là giữ gìn bờ cõi xa xôi, kết lại thành mối gắn bó chặt chẽ, thống nhất bốn phương trời. Sự duy trì các truyền thống cao cả theo phép tắc tôn ti trật tự chung là điều đầu tiên của các bề tôi.

⁽¹⁾ 越南國王.

^(a) Hiệp ước này ký ngày 6/6/1884 (tức ngày 13 tháng 5 năm Giáp Thân, Kiến Phúc năm thứ nhất) giữa triều đình Huế và Pháp tại Huế, còn gọi là Hiệp ước Patenôtre. Sau khi ký xong Hiệp ước, triều đình Huế đã buộc phải đem con dấu bằng bạc của vua nhà Thanh trao cho vua Gia Long trước đây đến sứ quán Pháp ở Huế để phá đúc thành khối bạc trước mặt đại diện của Pháp và An Nam.

⁽²⁾ Theo bà Mariette Richard Boudet.

^(b) Cuộc triển lãm lịch sử này được bắt đầu từ ngày 30/11/1941 đến ngày 28/12/1941. Nội dung chính của cuộc triển lãm đã được P. Boudet tập hợp và giới thiệu trong cuốn sách "Đông Dương trong quá khứ" năm 1941. Xem phần trích dịch cuốn sách này.

Khanh từ một nơi xa xôi đến để triều cống cho trẫm là chứng tỏ lòng trung thành biết tuân theo truyền thống của triều đình. Khanh biết khó nhọc vì dân, biết lo liệu vì đất nước mạnh giàu mà giữ gìn pháp luật.

Cái nhìn của trẫm trải khắp xứ sở rộng lớn và mối quan tâm của trẫm là chứng tỏ sự ban ơn với tất cả lê dân.

Thế nên, đối với chư hầu nào biết chăm lo giữ gìn sự bình yên cho xứ sở của mình là người xứng đáng được trẫm trao cho một ân sủng lớn.

Khanh, Nguyễn Phúc Ánh, danh tiếng của khanh đã được sứ thần của trẫm biết rõ. Đất nước của khanh rất gần thành Long.⁽¹⁾ Khanh đã dấy binh đi đánh kẻ địch và đã tiêu diệt chúng tận sào huyệt của chúng. Nhờ trời phù hộ, khanh đã bắt được tất cả bọn giặc, mang lại sự bình yên trên những con sóng dữ vùng duyên hải. Sau đó, khanh đã vượt ngàn trùng dương để đến đây, chứng tỏ cho trẫm sự thần phục của khanh với trẫm bằng việc triều cống cho trẫm những bảo vật quý báu của xứ sở của khanh. Khanh đã tôn trọng truyền thống của thiên triều ta. Trẫm khen ngợi lòng trung thành của khanh. Trẫm đã đọc bản tấu xin phong chư hầu của khanh nên trẫm ban tặng cho chế văn phong vương này. Giang sơn của khanh giáp biên giới tỉnh Việt của ta.⁽²⁾ Khanh hãy giữ vững xứ sở đó từ thế kỷ này sang thế kỷ khác và tiếp tục tiếp nối tổ tiên của khanh. Khanh đã phát triển và mở rộng bờ cõi xuống phía Nam. Hãy tự hào về sự nghiệp rực rỡ ấy của đất nước khanh và được trẫm ghi nhận. Vương hiệu mà khanh được phong không phải theo như trước đây. Biên cương của khanh đã được phân chia một cách rõ ràng và chính xác. Khanh là người mở ra một vận mệnh mới. Là chư hầu trung quân, khanh đã chứng tỏ mọi nhiệt huyết từ lòng cung kính của khanh.

Xe loan cầm cờ mao tiết là dấu hiệu của phái bộ sứ thần thiên triều đại diện cho trẫm sẽ nhanh chóng đến xứ sở xa xôi của khanh. Khanh sẽ tiếp nhận một cách long trọng chế văn phong vương của trẫm. Lãnh thổ của khanh trải theo chiều dài tới tận huyện Châu Diên.⁽³⁾ Hãy đón nhận chức trách mới này để tỏ lòng biết ơn với thiên triều. Những dòng nước bên trẫm thông lưu đến sông Bạch Hạc.⁽⁴⁾ Hãy giữ trái tim kiên định của khanh trong việc giữ gìn bảo vệ vương triều của khanh.

Tra cứu các sách niên sử, trẫm khẳng định rằng từ rất lâu, mối quan hệ bang giao giữa hai nước chúng ta vẫn được gìn giữ. Các sách địa lý đã chỉ ra rằng dưới thời Hoàng đế Cảnh Đức,⁽⁵⁾ xứ sở của khanh khi đó đã lập kinh đô ở Loa Thành.⁽⁵⁾

⁽¹⁾ Long Tcheou 龍州 [Long Châu].

⁽²⁾ Kouang Si 廣西 [Quảng Tây].

⁽³⁾ Nguyên bản chép là Châu Viên, chúng tôi sửa lại là Châu Diên cho đúng hơn.

⁽⁴⁾ Bạch Hạc: hợp lưu của Sông Hồng và Sông Lô, gần Việt Trì.

⁽⁵⁾ Cảnh Đức [King Te] 景德 (1004-1008).

⁽⁵⁾ Loa Thành hoặc Cổ Loa.

Sách ghi tước danh quan lại cho thấy dưới thời trị vì của Hoàng đế Thuần Hy,⁽¹⁾ một cái ấn có núm mang hình con lạc đà đã được ban cho quốc vương khi đó của khanh.

Để chứng tỏ sự trung quân của mình, các chư hầu mang tặng trẫm những bảo vật quý giá và luôn tuân thủ theo niên lịch của trẫm đã ban bố.

Nay trẫm phong cho khanh danh hiệu Việt Nam quốc vương (vua của Việt Nam) với một cái ấn mới.

Ôi! Khanh hãy lắng nghe những lời răn dạy của trẫm! Trẫm sẽ ra sức dẫn dắt các thần dân để giữ sự bình yên mãi mãi cho đất nước khanh. Khanh đừng đầu nước chư hầu là phải nhận biết, hiểu được vận mệnh thời thịnh thời suy. Vì vậy, khanh cùng vương quốc của khanh phải quan tâm về vận mệnh này. Khanh hãy tiếp nối theo điển chương rực rỡ này. Hãy ra sức tỏ lòng chân thành và chính trực. Khanh trị vì một giang sơn thịnh vượng mới được gây dựng. Hãy gắn kết hơn nữa và tuân theo phép tắc lớn nhất đã ban ra của trẫm. Giang sơn của khanh đã được định rõ và đã được trẫm xác nhận trong chế văn này. Hãy lưu tâm để duy trì bình yên và làm việc hết chức phận của mình. Hãy tiếp tục thực hiện các phép tắc quy định. Hãy giáo hóa thần dân của mình. Hãy giữ gìn các phong tục truyền thống tốt đẹp xứ sở của khanh. Hãy ra sức giữ một trái tim nhân hậu, thận trọng mọi hành động, rồi từ thế hệ này sang thế hệ khác, khanh sẽ thấy vinh quang và thịnh vượng. Hãy quan tâm đến thần dân và bầy tôi của khanh để cho họ được muôn đời hưởng đức độ của khanh.

Đó là chế phong vương của trẫm, khanh chớ có lãng quên.

Ngày 21, tháng 8, năm Gia Khánh thứ 8^{(2), (a)}

IV. NHỮNG BẢN SÁCH VÀNG

Kho báu của triều đình lưu giữ cẩn mật trong các hòm rương 26 bản sách vàng. Một số quyền liên quan đến việc phong vương của các vua Gia Long, Thiệu Trị, Tự Đức, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân và Khải Định. Những quyền sách khác liên quan đến các hoàng thái hậu, các công chúa và hoàng tử kế vị.

Nhưng chỉ có bốn quyền sách vàng mới xứng đáng được đặc biệt quan tâm. Chúng khác các quyền sách vàng khác không chỉ ở hình thức mà còn là ở nội dung.

⁽¹⁾ Thuần Hy [Chouen Hy] 淳熙 (1074-1190).

⁽²⁾ Ngày 6/10/1803. Bản dịch từ bản gốc chữ Hán ra tiếng Pháp của Trần Đình Tùng, Tổng thư ký Viện Cơ mật và Ngự tiền Văn phòng.

^(a) Trong hồ sơ số 1593 phòng Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I), tại một văn bản đề nghị Chính phủ Pháp tặng thưởng cho Trần Đình Tùng, Huy chương về học thuật ngày 1/1/1943 có ghi: Ông sinh ngày 7/11/1895 tại làng Thai Dương tỉnh Thừa Thiên, nơi ở số 135 phố Gia Hội-Huế, thời gian phục vụ được 29 năm, đã được tặng thưởng một số Huy chương sau: Kim tiên hạng 2, Long bội tinh, Huân chương công trạng về nông nghiệp, Kim khánh hạng 2, Bắc đầu bội tinh của Hoàng gia Campuchia. Chưa rõ ngày mất.

Quyền đầu tiên nói về việc lên ngôi của vua Gia Long, ba quyền kia là quy định cách đặt tên, thế thứ trong Hoàng tộc.

Ngày 1/6/1802, Nguyễn Ánh, ngay sau khi chiến thắng nhà Tây Sơn đã khôi phục và đưa dân vào các tỉnh miền Trung và miền Nam, tức là toàn bộ Trung Kỳ, Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ bấy giờ thành vương quốc của nhà vua, tuyên bố chấm dứt triều Cảnh Hưng của nhà Lê mà nhà Nguyễn đã tỏ ra liên tục thần phục cho đến ngày này, mặc dù hậu duệ cuối cùng của triều Lê đang lung lay được thay thế bằng thời kỳ của Chiêu Thống từ năm 1787 và mở đầu triều Gia Long đánh dấu bằng việc thống nhất lãnh thổ. Chữ “Gia” do chữ Gia Định (Hạ Nam Kỳ), nơi khởi nghiệp của Nguyễn Ánh; chữ “Long” do chữ Thăng Long (Hà Nội).

Nhưng, Nguyễn Ánh đã không muốn tự xưng vương, bởi vì như ông nói, ông chỉ giành lại cơ đồ cũ của nhà Nguyễn và chưa làm chủ một cách tuyệt đối toàn bộ bờ cõi, vì Bắc Kỳ còn nằm trong tay kẻ thù. Gia Long đã không phải đợi điều đó quá lâu, ngày 20 tháng 7, ngay trong năm (1802), ông ra Hà Nội và được đại diện của Bắc Kỳ tiếp đón tại điện Kính Thiên.

Tuy nhiên, ông vẫn từ chối việc xưng vương vào tháng 9 vì như ông nói: “Còn đó một sứ mệnh cao cả cần hoàn thành là hàn gắn những nỗi đau do nhà Tây Sơn gây ra”.

Cho mãi đến ngày 12 tháng 5 triều Gia Long năm thứ 5, tức ngày 28/6/1806, do sự khẩn khoản của các quan thần văn võ trong kinh thành và các trấn, thành, Nguyễn Ánh cuối cùng đã lên ngôi xưng Hoàng đế An Nam, Hoàng đế Việt Nam.

Chính tờ biểu của các bề tôi dâng lên vua Gia Long khẩn khoản xin vua Gia Long đăng quang là nội dung chính của quyển sách vàng được bảo tồn trong kho báu ở Huế.

Bản sách vàng này gồm 10 tấm vàng, được kết nối với nhau bằng những cái vòng hình tròn giống theo kiểu các quyển sách quen thuộc mà chúng ta cho rằng chúng mới chỉ được phát kiến trong thời gian gần đây thôi.

Tên của sách là: **Sách vàng nhân dịp lễ lên ngôi của Hoàng đế gia Long.**

Trong sách ghi những lời thỉnh cầu của quan thần dâng lên vua. Mở đầu là một đoạn văn thể hiện sự khát khao tôn vua Gia Long lên ngôi. Rồi sau đó nhắc lại sự vinh quang của vương quốc An Nam.

“Đất nước của chúng ta rộng lớn và nằm ở vùng thuận lợi xuống phương Nam. Các đấng tiên vương đã lập ra một giang sơn rộng lớn, tích lũy được những công đức lớn lao xứng đáng với mệnh trời. Các quân vương kế vị đã tiếp tục nối được truyền thống tốt đẹp này nên đã thu được nhiều thành quả vẻ vang”.

Thế rồi, gặp những thời vận thuận lợi, một vị hoàng tử vĩ đại đã ra đời và nhờ sự tận tụy, tài năng, khôn khéo của mình đã giành chiến thắng trong các cuộc chiến với kẻ thù. Ngài đã dấy binh để đánh bại kẻ thù và thu phục thần dân. Ngài đã thực hiện được hai việc khó khăn là khôi phục và lập quốc. Ngài đã thống nhất đế chế Việt.

Nhiều lần, các quần thần đã khấn khoản được tổ chức lễ lên ngôi, nhưng mỗi lần đó, vua Gia Long đều từ chối.

“Chúng thần xin kính cẩn dâng tờ tâu biểu này và xin kính mong Thánh thượng chấp nhận tôn hiệu Hoàng đế để thể hiện cương vị nắm giữ vận mệnh của đất nước và nhận sự vinh quang với ngôi vị Hoàng đế.”

Đó là những điểm xứng đáng được khắc tạc trên bản sách vàng, vì nó ghi nhận sự thành công vững bền của việc khôi phục và thiết lập một triều đại mới, quy tụ giang sơn của triều Nguyễn (Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ hiện nay) và vương quốc của triều Lê (Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ) về một mối. (Xem hình XIII trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

SÁCH VÀNG NHÂN DỊP LỄ LÊN NGÔI CỦA HOÀNG ĐẾ GIA LONG

Ngày 12, tháng 5 năm thứ 5 triều Gia Long,⁽¹⁾ chúng thần, các quan đại thần văn võ ở kinh đô và các trấn, thành kính cẩn dâng Thánh thượng tờ biểu sau đây:

Đối với bậc minh chủ có đức độ cao cả tất sẽ được hưởng ngôi báu cao quý nhất. Ở ngôi báu chính danh của vương triều, tất sẽ được hưởng sự vinh quang trong vương quốc. Chính vì thế mà trong thiên Hồng Phạm (Kinh Thi) có giải thích chữ Kiến cực (Kiến: thiết lập, xây dựng; cực: tối thượng, có nghĩa là lập đế chế) và sách Xuân Thu (chương nói về sách sử của Khổng Tử) đã nhấn mạnh ý nghĩa của chữ Chính thủy (Chính: chính đáng; thủy đầu tiên); tức là việc lập triều đại chính danh từ buổi đầu.

Đất nước của chúng ta rộng lớn và nằm ở vùng thuận lợi xuống phương Nam. Các đấng tiên vương đã lập ra một giang sơn rộng lớn, tích lũy được những công đức lớn lao xứng đáng với mệnh trời. Các quân vương kế vị đã tiếp nối được truyền thống tốt đẹp này nên đã thu được nhiều thành quả vẻ vang. Đức độ cao cả và những ân huệ cao quý của các đấng tiên vương không bị các thần dân quên lãng. Những phúc ảm tốt đẹp này đã được lưu truyền để răn dạy con cháu và đã soi sáng qua bao thế kỷ.

Lúc thời vận thuận lợi, một vị hoàng tử vĩ đại đã ra đời.

Muôn tâu bệ hạ! Vị hoàng tử vĩ đại và tôn nghiêm đó chính là Thánh thượng, một vị anh hùng tái thế mà sự anh minh và lòng dũng cảm là một tấm gương cao

⁽¹⁾ Ngày 28 tháng 6 năm 1806.

cả cho đất nước. Giữa mây đen và giông tố của một thời loạn lạc, Thánh thượng đã bước ra trong chiến thắng. Thánh thượng đã dấy binh để đánh lại kẻ thù và thu phục thần dân. Quân binh của Thánh thượng chẳng khác gì sấm chớp, giông tố trừng phạt kẻ phạm tội. Thánh thượng đã thực hiện được hai việc khó khăn là khôi phục đất nước và lập ra triều đại mới. Lưỡi gươm cùng chiến mã của Thánh thượng đã mang lại chiến thắng vĩ đại và ngai vàng đã chờ đợi minh chủ.

Thánh thượng đã thống nhất bờ cõi nước Việt. Quan quân và thần dân đã về thần phục Thánh thượng. Nhật nguyệt lại rực rỡ bầu trời. Đất nước, các thần linh và bách tính nay đã có một minh chủ. Hàng vạn sinh linh được Thánh thượng che chở, cứu giúp. Đã nhiều lần, chúng thần khẩn khoản tâu xin Thánh thượng lên ngôi báu, nhưng mỗi lần như vậy, Thánh thượng lại nhún nhường khước từ. Sự khiêm nhường này lại càng chứng tỏ đức độ cao cả của Thánh thượng. Nhưng quan quân và thần dân tận đáy lòng từ lâu đã mong muốn được thể hiện thành khẩn của mình suy tôn Thánh thượng lên ngôi báu và hy vọng sâu sắc rằng tờ biểu này được Thánh thượng chấp thuận. Đây là điềm lành được báo trước, một minh chủ vĩ đại đem lại một trật tự xã hội bình yên và hạnh phúc.

Chúng thần xin kính cẩn dâng tờ biểu này và cúi mong Thánh thượng chấp nhận tôn hiệu Hoàng đế để thể hiện cương vị nắm giữ vận mệnh của đất nước và nhận sự vinh quang với ngôi vị Hoàng đế.

Kính mong ngôi vị của Thánh thượng đầy cao cả và huy hoàng như trời đất khôn cùng.

Kính mong nghiệp lớn của Thánh thượng được bình yên, vững bền và muôn đời thịnh vượng. Niềm ngưỡng vọng và hoan hỷ của chúng thần lớn biết bao.⁽¹⁾

*
* *

Ba bản sách vàng khác là để quy định thể thứ trong Hoàng tộc.

Vua Minh Mạng, với mong muốn quy định cách thức đặt tên trong các đời của dòng họ và xác định tên cho các con cháu sau này nên đã soạn ra hai bài thơ tứ tuyệt, qua đó có thể cho phép biết tên của mỗi hoàng tử kế vị cũng như cho mỗi vị vua mới.

Chúng tôi xin trở lại để biết chi tiết hơn về nghiên cứu của ông Nguyễn Văn Huyền đăng trong kỷ yếu của Viện Nghiên cứu Đông Dương về Con người.⁽²⁾

⁽¹⁾ Bản dịch từ bản gốc chữ Hán ra tiếng Pháp của Trần Đình Tùng.

⁽²⁾ Huyền (Nguyễn Văn): *Phân định tên gọi trong Hoàng tộc An Nam*. (Thông báo tại Viện Nghiên cứu Đông Dương về Con người, l'Institut indochinois pour l'Étude de l'Homme). Hà Nội, Taupin, 1940.

Đúng là một phong cách kỳ lạ, thực sự là một trò chơi phong nhã của nhà nho mà theo đó có thể biết tên kép có chữ đầu xác định mỗi hoàng tử như: chữ Miên dành cho các con của vua Minh Mạng, chữ Hồng cho các con của vua Thiệu Trị v.v...

Chính vì thế mà vua Thành Thái, cháu của vua Minh Mạng ở thế hệ thứ năm như vua Khải Định, nhưng không phải cùng cụ nội, đều mang tên là Bửu; Bửu Lân là tên của vua Thành Thái; Bửu Đảo là tên của vua Khải Định. Cũng như vậy, vua Duy Tân và vua Bảo Đại, đại diện cho thế hệ thứ sáu của hai hệ khác nhau mang tên là Vĩnh: Vĩnh San là tên của vua Duy Tân và Vĩnh Thụy là tên của vua Bảo Đại. Những tên Bửu và Vĩnh này là chữ thứ tư và chữ thứ năm ở câu thơ thứ nhất trong bài thơ tứ tuyệt Đế hệ của vua Minh Mạng.

Riêng về các vua An Nam, tên gọi khi lên ngôi đã được chọn một trong các chữ trong bài thơ tứ tuyệt khác mà tất cả các chữ đều được viết theo bộ Nhật (Mặt trời). Theo thứ tự mà chọn tên cho vua, vua Thành Thái là chữ Chiêu, tên cho vua Duy Tân là chữ Hoảng, dành cho vua Khải Định là chữ Tuấn, tên cho vua Bảo Đại là chữ Diễn.

SÁCH VÀNG QUY ĐỊNH CÁCH ĐẶT TÊN CÁC CON CHÁU TRONG HOÀNG TỘC BÀI TỰA CỦA HOÀNG ĐẾ

Dòng họ nhà nước ta có nguồn gốc từ làng [tức ngoại trang. ND] Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hoa^(a) và mang họ Nguyễn. Trong quá khứ đã là một dòng họ lớn danh giá đời đời là công thần. Đó là nhân đức đã được tích lũy vài trăm năm nên mới có được ngày nay.

Dòng họ của chúng ta thực sự có thể so sánh với dòng họ nhà Chu được.

Chính vì thế, Trời khoan dung, che chở chúng ta bằng tất cả ân huệ của Người.

Tổ tiên là đức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế^(b) anh minh đã gây dựng một quốc gia rộng lớn. Kế sinh ra đức Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế^(c) ta bắt đầu việc mở rộng bờ cõi xuống phương Nam.

Tất cả đều mang họ Nguyễn và chữ đệm là Phúc nên gọi quốc tính là Nguyễn Phúc. Tổ tiên anh minh của chúng ta, vua thánh nối tiếp nhau kế vị ngai vàng cho

^(a) Thanh Hoa: Nguyên bản viết là Thanh Ba. Do đổi ra tên Ba vì kiêng chữ Hoa tên húy của bà Hồ Thị Hoa (1791-1807) là chính phi của Hoàng tử Đảm (là vua Minh Mạng sau này) và là mẹ của vua Thiệu Trị. Chúng tôi đổi lại là Thanh Hoa theo đúng trong bài tựa của Hoàng đế trong sách vàng (xem ảnh số XIV trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

^(b) Tức Nguyễn Cam (hoặc Kim) 1468 - 1545.

^(c) Tức Nguyễn Hoàng (1525 - 1613) được gọi là chúa Tiên, là vị chúa đầu tiên khai sáng nhà Nguyễn.

đến khi phụ thân anh mình là đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế^(a) đã dẹp yên kẻ địch và thiết lập vương quốc An Nam.

Lúc đó Người đã quyết định những việc liên quan đến dòng họ của chúng ta, sắc định Ngọc phả gọi chung con cháu Hoàng đế Thái Tổ, những người đã xuống phương Nam cũng như con cháu của các Hoàng đế kế vị Thái Tổ đều là Tôn thất hoàng tộc họ Nguyễn Phúc. Còn các con cháu của Hoàng đế Thái Tổ đã ở lại phương Bắc cũng như các con cháu của các chi phái trước của dòng họ thuộc công tể^(b) và cũng mang họ Nguyễn Phúc.

Một nét đặc biệt khác nữa là tên của các chúa Nguyễn đa số được lựa chọn trong những chữ có bộ Thủy (水) cho đến tận thời của Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng Đế ta.^(c) Trong suốt thời gian trị vì của các chúa trở về sau ngự danh và tên trong Tôn thất nói chung cũng có khi được đặt tên với những chữ có bộ Nhật (日), truyền cho đến đức Thế Tổ ta cũng vẫn dùng những chữ thuộc bộ Nhật (日) để đặt tên cho các hoàng tử kế vị.

Từ trăm năm gần đây, các con cháu Hoàng tộc Tôn thất rất đông, đặt tên phần lớn trùng lặp. Vua cha anh mình đức Thế Tổ ta có ý muốn đặt ra quy tắc định lại chữ đặt tên để truyền lại cho con cháu dùng mãi mãi lâu dài về sau. Tiếc rằng, việc chưa kịp làm. Mong muốn thực hiện ý tưởng của vua cha, trăm chọn 20 chữ có bộ Nhật (日) dùng để đặt tên cho con cháu nối nghiệp về sau, để khi nào có một hoàng tử được kế vị thì tên được lấy trong số các chữ đó mà đặt. Căn cứ theo sự giải thích rằng mặt trời là tượng trưng cho ngôi vua, mà chữ được đặt sau khi sinh là danh tự. Những con cháu của trăm và con cháu anh em của trăm thì soạn những mỹ tự chia làm để hệ và thân phiên thế hệ, là các hệ của anh trăm là Anh Duệ Thái tử cùng những người em của trăm là Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn, Thiệu Hóa, Quảng Oai, Thường Tín, An Khánh, Từ Sơn tổng cộng là 10 hệ.

Khi mới sinh ra, xin đặt tên thì tên mới của hoàng tử cũng sẽ được đặt ra như sau: Chữ đầu lần lượt lấy từng chữ được chọn trong bài thơ Đế hệ. Chữ dưới không được ấn định trước, được tự chọn nhưng phải theo luật định chữ bộ nào thuộc về đời thứ mấy theo bộ thủ quy định. Còn những anh em, con cháu cách đặt tên cũng theo cách đặt tên của Đế hệ. Chữ đầu sẽ chọn lần lượt trong các chữ thuộc bộ chữ trong các bài thơ thân phiên thế hệ dành cho mỗi hệ theo thứ tự gia hệ. Chữ dưới không được ấn định trước, được tự chọn, nhưng bắt buộc chọn chữ theo luật ngũ hành tương sinh, bắt đầu bằng những chữ theo thứ tự từ bộ Thổ (ngũ

^(a) Tức vua Gia Long (1762 - 1820) là người đặt nền tảng cho công cuộc gây dựng cơ nghiệp triều Nguyễn sau này.

^(b) Công tể: Những người họ nhà vua về dòng dõi xa không phải về trực hệ của các chúa và các vua.

^(c) Tức Nguyễn Phúc Khoát (1714 - 1765).

hành theo thứ tự là Thổ, Kim, Thủy, Mộc, Hỏa; Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, và chu kỳ ấy lại được tiếp tục trở lại mãi).

Ví như, đối với đế hệ, các tên sẽ là:

[Miên Tông] 綿宗 [Miên Định] 綿定^{(1),(a)}

Đối với hệ Hoàng tử Anh Duệ thì là :

[Mỹ Đường] 美堂 [Mỹ Thùy] 美垂

Đối với dòng Hoàng tử Kiến An thì là:

[Lương Kỳ] 良圻 [Lương Viên] 良垣

Đối với dòng Hoàng tử Định Viễn thì là:

[Tĩnh Cơ] 靖基 [Tĩnh Cận] 靖堦

Đối với dòng Hoàng tử Diên Khánh thì là:

[Diên Vực] 延域 [Diên Đề] 延堤

Đối với dòng Hoàng tử Điện Bàn thì là:

[Tín Kiên] 信堅 [Tín Phác] 信卦

Đối với dòng Hoàng tử Thiệu Hóa thì là:

[Thiện Khuê] 善圭 [Thiện Chỉ] 善址

Đối với dòng Hoàng tử Quảng Uy thì là:

[Phụng Tại] 鳳在 [Phụng Vu] 鳳圩

Đối với dòng Hoàng tử Thường Tín thì là:

[Thường Nhân] 常壬 [Thường Dung] 常墉

Đối với dòng Hoàng tử An Khánh thì là:

[Khâm Thịnh] 欽埜 [Khâm Bích] 欽壁

Đối với dòng Hoàng tử Từ Sơn thì là:

[Từ Đàn] 慈壇 [Từ Cương] 慈墘⁽²⁾

Như vậy, thứ tự các thứ hệ cũng sẽ được ấn định một cách rõ ràng cụ thể và sẽ không lặp lại để khỏi nhầm lẫn, thân sơ đều phân biệt để biết rõ được.

Chính vì thế mà đạo luân lý và sự bình yên trong dòng tộc cũng như ở các hệ đế, hệ phiên các chi phái đế phả sẽ luôn được duy trì thịnh vượng và có một tầm quan trọng đặc biệt.

⁽¹⁾ Tên Miên là lấy chữ đầu tiên trong bài thơ Đế hệ; các tên Tông, Định (宗 定) phải lấy chữ có bộ 忄 được quy định ở bài thơ Đế hệ dưới đây bên cạnh chữ 綿.

^(a) Nguyên bản không phiên âm các chữ Hán. Trờ xuống các chữ phiên âm bên cạnh chữ Hán là chúng tôi phiên âm.

⁽²⁾ Cần lưu ý, tất cả, các tên thứ nhất được lấy từ các bài thơ tương ứng với mỗi hệ và các tên dưới đều phải là chữ có bộ Thổ 土.

Các con cháu của trẫm hãy giữ phép tắc này khiến cho dòng họ được trăm đời truyền mãi, đền đáp lại ân đức của Trời và tổ tiên anh minh ban cho chúng ta.

Minh Mạng, năm thứ 4, tháng 1, ngày 1

(Ngày 11 tháng 2 năm 1823)

NHẬT TỰ BỘ NHỊ THẬP^(a)

Toàn Thì Thăng Hiệu Minh

Biện Chiêu Hoảng Tuấn Diễn

Trí Tuyên Giản Huyền Lịch

Chất Tích Yến Hy Duyên

日字部二十

旼^(a)時昇昊明

昇昭晃晷暎^(b)

智暄^(c)暕晷暘

咥暫曠曠曠

ĐẾ HỆ 系帝

Miên (miên) Hồng (nhân) Ứng (thị) Bảo (son) Vĩnh (ngọc)

綿 洪 膺 示 寶 山 永 玉

Bảo (phụ) Quý (nhân) Định (ngôn) Long (thủ) Trường (hòa)

保 阜 貴 定 言 隆 才 長 禾

Hiền (bối) Năng (lực) Kham (thủ) Kế (ngôn) Thuật (tâm)

賢 貝 能 力 堪 才 繼 言 述 心

Thế (ngọc) Thụy (thạch) Quốc (đại) Gia (hòa) Xương (tâm)

世 玉 瑞 石 國 大 嘉 禾 昌 卜

Dành cho con cháu của Hoàng tử Anh Duệ, tên sẽ là:

THÂN PHIÊN THẾ HỆ

親藩世系

Anh Duệ hệ^(b)

英睿系

(thổ) (kim) (thủy) (mộc) (hỏa)

(土)(金)(水)(木)(火)

Mỹ Lệ Anh Cường Tráng

美 麗 英 疆 壯

Liên Huy Phát Bội Hương

聯 輝 發 佩 香

Lệnh Nghi Sùng Tôn Thuận

令 儀 崇 巽 順

Vĩ Vọng Biểu Khiêm Quang

偉 望 表 謙 光

^(a) Ngô Đức Thọ: *Nghiên cứu chữ hẩu Việt Nam qua các triều đại*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr.421, thì có sự phiên âm khác, cụ thể là:

(a) Toàn: phiên là Tuyền.

(b) Diễn: phiên là Thiển.

(c) Tuyên: phiên là Huyền.

^(b) Túc Anh Duệ Hoàng Thái tử Nguyễn Phúc Cảnh.

Dành cho con cháu của Hoàng tử Kiến An:

Kiến An hệ ^(a)	建安系
Lương Kính An Nhân Thuật	良 敬 安 仁 術
Du Hành Suất Nghĩa Phương	攸 行 率 義 方
Dung Di Tương Thức Hảo	融 怡 相 式 好
Cao Túc Thái Vĩ Chương	高 宿 彩 為 章

Dành cho con cháu Hoàng tử Định Viễn:

Định Viễn hệ ^(b)	定遠系
Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái	靖 懷 瞻 遠 愛
Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Hoa	景 仰 茂 聲 華
Nghiêm Khắc Do Trung Đạt	儼 恪 由 衷 達
Liên Trung Tập Cát Đa	連 忠 集 吉 多

Dành cho con cháu Hoàng tử Diên Khánh:

Diên Khánh hệ ^(c)	延慶系
Diên Hội Phong Hanh Hợp	延 會 豐 亨 合
Nguyên Phùng Thái Lăng Nghi	元 逢 泰 朗 宜
Hậu Lưu Thành Tú Diệu	厚 留 成 秀 妙
Diễn Khánh Thích Phương Huy	衍 慶 適 芳 徽

Dành cho con cháu Hoàng tử Điện Bàn:

Điện Bàn hệ ^(d)	奠磐系
Tín Điện Tư Duy Chính	信 奠 思 維 正
Thành Tồn Lợi Kiến Trinh	誠 存 利 建 貞
Túc Cung Toàn Hữu Nghị	肅 恭 全 友 誼
Vinh Hiển Tập Khanh Danh	榮 顯 襲 卿 名

Dành cho con cháu Hoàng tử Thiệu Hóa:

Thiệu Hóa hệ ^(e)	紹化系
Thiện Thiệu Thuần Tuân Lý	善 紹 純 循 理
Văn Tri Tại Mẫn Cầu	聞 知 在 敏 求
Ngưng Lân Tài Chí Lạc	凝 麟 才 至 樂
Địch Đạo Doãn Phu Hưu	迪 道 允 孚 休

^(a) Túc Kiến An Vương Nguyễn Phúc Đài.

^(b) Túc Định Viễn quận vương Nguyễn Phúc Bính.

^(c) Túc Diên Khánh Vương Nguyễn Phúc Tấn.

^(d) Túc Điện Bàn công Nguyễn Phúc Phổ.

^(e) Túc Thiệu Hóa quận vương Nguyễn Phúc Chấn.

Dành cho con cháu Hoàng tử Quảng Uy:

Quảng Uy hệ ^(a)	廣 威 系
Phượng Phù Trưng Khải Quảng	鳳 符 徵 啟 廣
Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ	金 玉 卓 標 奇
Điển Học Kỳ Gia Chí	典 學 期 加 志
Giáo Di Khắc Tự Trì	教 彝 克 自 持

Dành cho con cháu Hoàng tử Thường Tín:

Thường Tín hệ ^(b)	常 信 系
Thường Hựu Tuân Gia Huân	常 祐 遵 家 訓
Lâm Trang Túy Thịnh Dung	臨 莊 粹 盛 容
Thận Tu Di Tiến Đức	慎 修 彌 進 德
Thụ Ích Mậu Tân Công	受 益 懋 新 功

Dành cho con cháu Hoàng tử An Khánh:

An Khánh hệ ^(c)	安 慶 系
Khâm Hoa Xưng Ý Phạm	欽 華 稱 懿 範
Nhã Chỉ Thủy Hoàng Quy	雅 止 始 弘 規
Khải Đế Đăng Càn Dự	愷 悌 騰 勤 譽
Quyển Ninh Cộng Tập Hi	眷 寧 共 緝 熙

Dành cho con cháu Hoàng tử Từ Sơn:

Từ Sơn hệ ^(d)	慈 山 系
Từ Thái Dương Quỳnh Cẩm	慈 采 揚 瓊 錦
Phu Văn Ái Diệu Chương	敷 文 藹 耀 彰
Bách Chi Giai Phụ Dực	百 支 皆 輔 翼
Vạn Diệp Hiệu Khuông Tương	萬 葉 効 匡 襄 ⁽¹⁾

V. KIM NGỌC BẢO TỶ

Kho báu của Hoàng triều, thuộc Chương ấn, đang lưu giữ một loại bảo vật quý giá không kém gì sách vàng. Đó chính là những kim ngọc bảo tỹ của các vua, thái hoàng thái hậu và hoàng thái hậu. Tất cả có số lượng là 46 ấn tỹ, đa số thuộc thời cận hiện đại hay từ sau triều vua Minh Mạng. Đó là các ấn tỹ rất đẹp, tinh xảo mà tính nghệ thuật càng làm tăng thêm phần giá trị vật chất của chúng. (Xem hình XVI trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách).

^(a) Tức Quảng Uy công Nguyễn Phúc Quân.

^(b) Tức Thường Tín công Nguyễn Phúc Cư.

^(c) Tức An Khánh công Nguyễn Phúc Quang.

^(d) Tức Từ Sơn công Nguyễn Phúc Mão.

⁽¹⁾ Bản dịch từ bản gốc chữ Hán ra tiếng Pháp của Trần Đình Tùng.

Tùy theo sự sử dụng cho cá nhân hoặc cho các loại văn bản khác nhau, những ấn tỹ này được chế tác bằng ngọc dùng cho các công việc bang giao, các công việc trọng đại quốc gia, những ấn khác được chế tác bằng vàng dành cho việc sắc phong các bà hoàng thái hậu.

Trong số các ấn tỹ được lưu giữ ở điện Càn Thành, chúng ta có thể thấy theo thứ tự trong danh mục thống kê sau:

1. Đại Việt Quốc Nguyễn Chủ Vĩnh Trăn Chi Bảo,⁽¹⁾ "Bảo vật của chúa Nguyễn nước Đại Việt trăn giữ lâu dài" mang số thứ tự 7 trong danh mục thống kê các ấn tỹ ở điện Càn Thành.⁽²⁾

Ấn này đã được đóng vào sắc truy tặng cho cố Pigneau de Béhaine (1800). Chúng tôi đã tìm thấy được một chi truyền, lệnh cho Nội các vào năm 1781. Hình dấu rất rõ nét này cho thấy một vài sự khác biệt về chi tiết so với bản vẽ số 306 của Daudin (chú thích của sách trên).

Theo sách *Đại Nam Thực lục Chính biên* (K.1, fol.6, r⁰) mà Daudin đã nêu,⁽³⁾ "Ấn tỹ này được Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng Đế (tức chúa Nguyễn Phúc Chu-ND) chế tác ra (1691-1725) và đã trở thành ấn tỹ truyền ngôi vương". Hiện vẫn còn tồn tại ở điện Càn Thành (số thứ tự 17 trong danh mục) một ấn tỹ khác như là một vật báu để truyền ngôi có tên là **Đại Nam Thụ Thiên Vĩnh Mệnh Truyền Quốc Tỹ**, được chế tác từ ngọc quý. Sau vua Gia Long, chính ấn tỹ trên được vua Minh Mạng dùng để truyền ngôi báu.⁽⁴⁾

2. Sắc Mệnh Chi Bảo,⁽⁵⁾ mang số 11 trong danh mục. Ấn này dùng để đóng vào các bằng, sắc, chiếu cho các quan văn, võ, công thần và phong tặng cho các nhân thần.

3. Đại Nam Hoàng Đế Chi Tỹ.⁽⁶⁾ Đó là ấn tỹ của Hoàng đế Đại Nam bằng ngọc quý dùng cho các văn kiện trong các chuyến đi tuần thú của vua đến các tỉnh và trong các văn kiện gửi đi ngoại quốc.

Ấn tỹ được chế tác dưới thời vua Thiệu Trị, tháng 4/1844^(a) và mang số 13 trong danh mục. Bức ảnh chụp màu ấn tỹ này được giới thiệu tại Triển lãm năm 1941.

Theo Daudin, sách trên đã dẫn, trang 249 và hình XXVII, số 308 và hình XXIII.

(1) 大越國阮主永鎮之寶.

(2) Xem Daudin: "Nghiên cứu các con dấu Trung Hoa-An Nam", BESEI, 1937, quý 1, trang 231 và 399.

(3) Xem Daudin: BESEI, 1937, quý 1, trang 236.

(4) Xem Đặng Ngọc Oanh: "Việc lên ngôi của vua Khải Định", BAVH, 1916, trang 1-24.

(5) 救命之寶.

(6) 大南皇帝之璽.

(a) Nguyên văn in năm 1884 là nhầm. Ngọc tỹ này được tạo tác vào năm 1844 (Xem: Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb KHXH, HN, 2005, tr 318) chúng tôi sửa lại như trên.

4. Đại Nam Hiệp Kỷ Lịch Chi Bảo.⁽¹⁾ Mang số 14 trong danh mục. Ấn này do vua Thiệu Trị cho chế tác vào tháng 8/1847, dùng cho các chiếu văn ban lịch chính sóc, để đối chiếu, xem mùa màng theo lịch An Nam. Theo Daudin: sách đã dẫn trang 240, hình XXVIII, số 310 và hình XXXII.

5. Đại Nam Thụ Thiên Vĩnh Mệnh Truyền Quốc Tỷ.⁽²⁾ Ấn được chế tác từ ngọc quý, mang tính chất truyền quốc, như đã nói ở mục số 1 trên.

6. Vạn Thọ Vô Cương Ngọc Tỷ.⁽³⁾ được chế tác bằng ngọc quý, mang số 23 trong danh mục. Về ấn này, “người ta kể rằng một trong những thân nhân của vua Minh Mạng là Hoàng tử Sương, tìm thấy ở làng Nhân Biêu (Quảng Bình) một con dấu khắc các chữ “Vạn Thọ Vô Cương” 萬壽無疆, đem dâng cho vua. Sau đó vua truyền cho các quan thần biết rằng ấn tỷ này dùng để đóng vào các ân chiếu, cáo văn vào dịp lễ Vạn thọ, lễ mừng thọ nhà vua”. Daudin: sách đã dẫn, trang 249.

7. Sắc Chính Vạn Dân Chi Tỷ.⁽⁴⁾ bằng ngọc quý, mang số 24 trong danh mục. Ấn này dùng để đóng trên các sắc văn khuyến giới hoặc thông báo cho các thần dân nêu gương các nhân vật hiếu hạnh tiết nghĩa. Xem số 2 trên.

8. Hoàng Đế Tôn Thân Chi Bảo.⁽⁵⁾ mang số 31 trong danh mục. Ấn này dùng để đóng trên các văn bản tấn tôn, tặng huy hiệu, thụy hiệu cho các thái hoàng thái hậu, hoàng thái hậu,... Ấn tỷ này đã được chụp ảnh màu, trưng bày trong Triển lãm năm 1941.

9. Hoàng Đế Chi Bảo.⁽⁶⁾ mang số 32 trong danh mục. Do vua Minh Mạng cho chế tác vào năm thứ 4 (17/3/1823). Ấn này dùng để đóng trên các dụ có liên quan đến các hoàng tử, quan đại thần, quan lại đứng đầu các tỉnh.

10. Chế Cáo Chi Bảo.⁽⁷⁾ mang số 33 trong danh mục. Ấn này dùng để đóng lên các sắc, chiếu lệnh... để sai phái các quan việc thăng bổ quan lại cấp dưới, tước hầu, thân nhân nhà vua. Nó có thể xuất hiện vào năm 1770 như Daudin đã viết (xem sách dẫn, trang 233).

11. Mệnh Đức Chi Bảo.⁽⁸⁾ mang số 34 trong danh mục, ấn này đóng trên các bản văn để ban thưởng cho các hành vi mang tính tiết hạnh, trung thành, thăng bổ vào chức sắc lớn trên tước công, thân nhân nhà vua. Ấn này có thể xuất hiện cùng thời với con dấu trên, năm 1770.

(1) 大南協紀曆之寶.

(2) 大南受天永命傳國璽.

(3) 萬壽無疆玉璽.

(4) 敕正萬民之璽.

(5) 皇帝尊親之寶.

(6) 皇帝之寶.

(7) 制誥之寶.

(8) 命德之寶.

Tất cả các bảo vật, sách vàng, ấn tủy, sắc phong và nhiều tài liệu khác không chỉ được coi như là các văn bản tài liệu lưu trữ, mà chúng còn được coi như một dạng có tính cách tín ngưỡng tôn nghiêm nên rất khó được xem, chiêm ngưỡng, kể cả những người xứng đáng được xem.

Các tủ, rương dùng để bảo quản các bảo vật trên được niêm phong bằng hai khóa.

Hàng năm, kể từ năm 1837, đời vua Minh Mạng thứ 18, cứ vào ngày 3, tháng 12, diễn ra lễ lau chùi ấn tủy, gọi là Phát thức.⁽¹⁾

Nội các dâng trình nhà vua xét duyệt, định ra ngày hành lễ, kèm theo là danh sách các hoàng thân, quan đại thần văn, võ hạng 1 và hạng 2 cùng các viên trưởng quan của Cơ mật viện và Nội các đều tham dự lễ này.

Đúng ngày lễ, những hương án được bày ra ở điện Càn Chánh (nay là điện Càn Thành), 6 chiếc tủ lớn vào lúc khai lễ được mở ra trước sự hiện diện của nhà vua hoặc quan đại thần đại diện, các hoàng tử và các quan đại thần văn, võ.

Tất cả các bảo vật được lau chùi bằng nước thơm và các tấm vải màu đỏ.

Các quan lại tham dự buổi lễ này đều phải mặc đồ lễ phục thường triều. Nhưng trên thực tế, nghi thức này ít được sử dụng và đến đầu thế kỷ XX, lễ phục trên được thay bằng áo rồng xanh, tay dài.

Cuối buổi lễ, các tủ lớn được niêm phong cẩn thận và [nhà vua cho] mở một đại tiệc để khoản đãi các quan viên.

Để có thể kiểm tra các bảo vật này, cần phải triệu tập nhiều người thì mới hoàn thành được một cách thận trọng, tởm mỹ nghi lễ này. Qua đó, ta có thể thấy các bảo vật này được bảo quản rất cẩn trọng, rồi tháo niêm phong các cổ vật đã được cất giữ trong tủ và rương tráp.

Vì vậy, chúng tôi cũng phải tỏ lòng biết ơn đặc biệt với vua Bảo Đại, người mà theo đề nghị của Phạm Quỳnh đã cho phép mở các tủ bảo vật đó để chúng tôi chiêm ngưỡng vào một ngày ngoài ngày ấn định trên và chúng tôi có thể chụp ảnh những bảo vật đó, phục vụ trưng bày trong cuộc triển lãm lịch sử.^(a) Chúng tôi cho rằng đó là một đặc ân vô giá khi lần đầu tiên được chấp thuận như vậy.

VI. NHỮNG ÁNG THƠ VĂN

Ở Nội các và các cơ quan khác của Nội Các, ngoài các bằng sắc, sách vàng và ấn tủy, cũng còn có cơ quan thứ ba,^(b) như chúng tôi đã thấy, cũng có nhiệm vụ bảo tồn các tài liệu cá nhân, các bài thơ thuần túy văn chương của nhà vua có tầm

(1) 拂拭.

(a) Cuộc triển lãm lịch sử năm 1941 (xem chú thích ở trang 24).

(b) Tức Bí thư sở.

quan trọng đối với các con cháu của vua Minh Mạng được tiếp tục lưu giữ. Trong số những áng văn chương do các ông vua say mê sáng tác và tự tay viết rất đẹp, mà hai tác phẩm được trưng bày tại triển lãm trên là bởi chính nét bút tài hoa của vua Minh Mạng viết ra.

Áng thơ thứ nhất là một bài thơ theo thể thất ngôn, được sáng tác vào năm 1832, ca ngợi các công việc nhà nông, đồng áng có tựa đề: *Vị nông ngâm*,⁽¹⁾ (xem hình XVIII trong Danh sách các ảnh minh họa trong sách). Sau đây là bản dịch:

“Từ đêm trước, mưa rả rích không ngừng rơi, ta đã làm thơ.

Trong mùa đông, gặp mưa rơi, người nông dân run rẩy, từng bước ra đồng, lo rằng bị lạnh, biết rằng mùa màng thuận lợi.

Được mặc quần áo ấm, ta nhớ đến người thợ dệt. Được ăn no, ta nghĩ đến người làm ruộng, cảm động trong lòng.

Từ xa xưa, các công việc cấy cày, gặt hái gian nan vốn được coi trọng và đáng được ca tụng bởi thi nhân.”

Áng thơ khác theo thể ngũ ngôn, tả cảnh trời mùa hè với những đám mây nhiều dáng hình luôn thay đổi, tựa đề: *Hạ vân đa kỳ phong*⁽²⁾ (năm 1832).

Hạ vân đa kỳ phong

Vào mùa hè, những đám mây bông bênh chất chồng như núi, hình dạng đẹp khôn tả.

Những áng mây này như những cây bút vẽ tia nắng mặt trời. Những áng mây kia như mũi dùi chui ra khỏi lưới và những đám mây khác như cò bay trong gió.

Những áng mây, khi thì tụ lại, khi thì tản ra, như thú đang chạy, như chim đang bay.

Tạo hóa khéo léo khôn cùng, con người không thể sánh được”.

Các bài thơ tả cảnh của các vị vua đã được tập hợp lại thành nhiều tập. Đối với nhà vua làm thơ không chỉ đơn giản là một thú giải trí, mà còn là việc thực hiện của một trong những chức năng cao quý nhất của đệ nhất thi sĩ triều Nguyễn.

Tác giả bài thơ chẳng phải nói rằng trong một xã hội có trật tự nghiêm ngặt, người nông dân phải đi cày ruộng, người tiểu phu phải đi đốn củi, người thuyền chài phải đi quăng lưới, còn nho sĩ thì ca tụng bằng những câu thơ kỳ diệu về lòng bao dung của Thượng đế hay sao ?

⁽¹⁾ 為農吟.

⁽²⁾ 夏雲多奇風.

Bảo toàn lãnh thổ quốc gia, duy trì sự thịnh vượng. Giữ gìn ngôi báu, bảo đảm sự kế tục của vương triều, tuân thủ phong tục, nhưng cũng vẫn thờ cúng đất trời, ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, công việc đồng áng, mùa màng và trò chơi của những đám mây, đó cũng là những bồn phận đa đoan của ông vua An Nam. Những tài liệu lần đầu tiên đã được lấy ra khỏi tấm khăn phủ của triều đình để hiểu rõ hơn, thấy được sự phong phú, đa dạng của cha ông. Đồng thời, các tài liệu lưu trữ đó cũng cho thấy một tư tưởng có giá trị đối với lịch sử ẩn chứa trong kho báu của Hoàng triều.

Lần đầu tiên, vua Bảo Đại muốn cải tổ lại các nguyên tắc nghiêm ngặt có từ trước đã làm trở ngại những ai tò mò muốn biết giá trị lịch sử dù rất chính đáng về các tài liệu, báu vật như đã nêu ở trên. Nhưng, dù là một ông vua có tư tưởng hiện đại, ông vẫn có sự tôn trọng giá trị truyền thống nên vẫn quyết định tiếp tục duy trì các nguyên tắc nghiêm ngặt có từ trước trong sự bí ẩn bất chấp thời gian cứ trôi đi và sự vô tâm của con người.

THƯ MỤC NGHIÊN CỨU

- Garpasdone (E), *Bibliographie annamite* (Thư mục nghiên cứu về An Nam), BEFEO, 1934, tập 1, trang 1-172.
- Giáp (Trần Văn), *Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú* (Các chương thư mục nghiên cứu của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú), *Tạp chí Hội Nghiên cứu Đông Dương (BSEI)*, 1938, Tập XIII, số 1, trang 1-217.
- *Đại Nam Thực lục Chính biên*, Đế nhị kỷ, Quyển 30, trang 13-20.
- *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, Quyển 8, trang 119, 224, 226.
- *Minh Mạng chính yếu*, Quyển 1 và 4.
- Deveria (G), *Histoire des relations de la Chine avec l'Annam Việt Nam du XVIe au XIXe siècle* (Lịch sử các quan hệ của Trung Hoa với An Nam - Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX), Paris, Leroux, 1880.
- Orband (R), *Les Tombeaux des Nguyễn* (Những lăng mộ của nhà Nguyễn), BEFEO, XIV, số 7, trang 1-74.
- Orband (R), *Nettoyage des sceaux* (Lau chùi các con dấu), BAVH, 1915, trang 225-226, 1916, trang 426.
- Oanh (Đặng Ngọc), *L'intronisation de S.M. Khải Định* (Lễ lên ngôi của vua Khải Định), BAVH, 1916, trang 1 và sách dẫn.
- Laborde (A), *Livres d'or et livres d'argent de la Cour d'Annam* (Sách vàng và sách bạc của triều đình An Nam), BAVH, 1917, trang 13-20.
- Hân (Tôn Thất) và Bùi Thành Vân, *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long* (Thế phả nhà Nguyễn trước vua Gia Long), BAVH, 1920, trang 295-328.

- Peyssonneaux (J.H), *Vie, voyage et travaux de Pierre Médard Diard naturaliste francais...* (Cuộc đời, các chuyến du hành và các công trình của Pierre Médard Diard, nhà tự nhiên học Pháp...), *BAVH*, 1935, trang 1-120, 9 bản vẽ, phụ trương.

- Huyền (Nguyễn Văn), *Attribution du nom dans la famille impériale d'Annam*. Communication de l'Institut indochinois pour l'étude de l'Homme. (Cách đặt tên trong Hoàng tộc An Nam. Thông báo tại Viện Nghiên cứu Đông Dương về Con người) Hà Nội, Taupin, 1940.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn các ông TRẦN ĐÌNH TÙNG, Tổng thư ký Viện Cơ mật và Ngự tiền Văn phòng BẢO ĐẠI; ông TRẦN VĂN GIÁP, Trợ lý Viện Viễn Đông bác cổ Pháp và các cộng sự của tôi là các ông NGÔ ĐÌNH NHU, Phó Quản thủ Lưu trữ và Thư viện; ông NGUYỄN VĂN SUỐC, Lưu trữ-thư viện viên, về sự giúp đỡ của họ đã dành cho tôi trong công việc dịch thuật các văn bản chữ Hán.

Nghiên cứu này được trích từ tạp chí *Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH)*, năm 1942, số 3 (quý 3), được in lại trên bản giấy dó của Nguyễn Quý Kỳ và cũng được in 270 bản để dành cho Hội Địa lý Hà Nội tại Daila Imperial, đánh số từ 1 đến 270 và 50 bản mẫu không bán được đánh số từ I đến L tại Thang Long Impérial Nacré.

Hoàn thành in ấn tại nhà in Viễn Đông-Hà Nội ngày 25/12/1942.